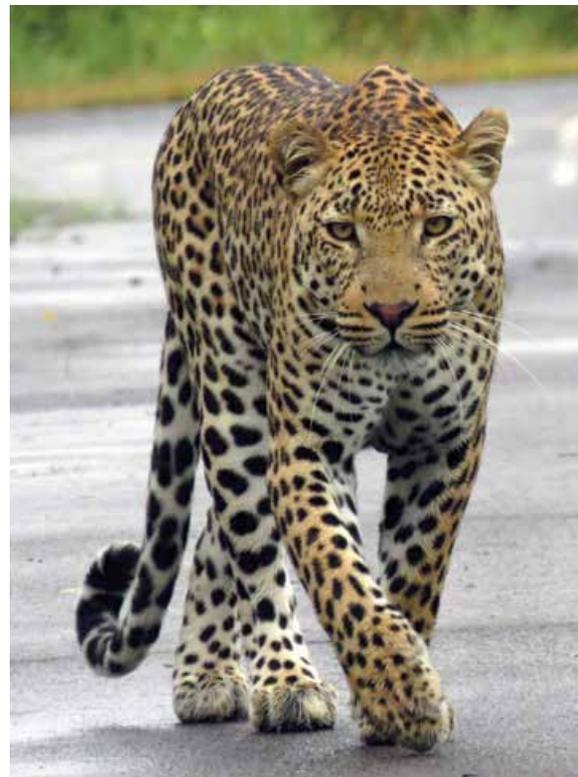
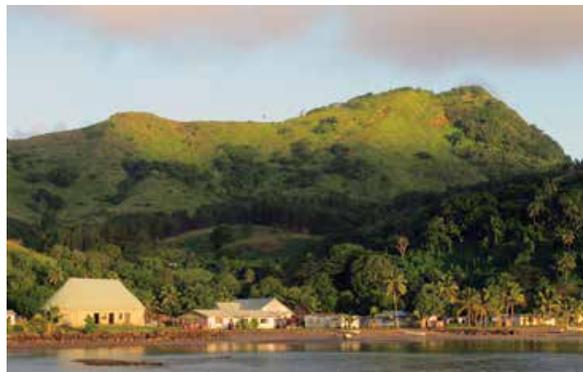


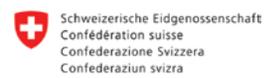


Xác định và Báo cáo về các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác

Nhóm Chuyên trách về OECMs của Ủy ban Toàn cầu về các Khu bảo vệ



Báo cáo Kỹ thuật số 3 về các Khu bảo vệ



Xác định và Báo cáo về các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác

Nhóm Chuyên trách về OECMs của Ủy ban Toàn cầu về các Khu bảo vệ

Việc quy định các thực thể địa lý trong cuốn sách này và cách trình bày ấn phẩm không ngụ ý thể hiện bất kỳ quan điểm nào của IUCN hoặc các tổ chức tham gia khác liên quan đến tình trạng pháp lý của bất kỳ quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc khu vực nào, hoặc của các cơ quan có thẩm quyền, hoặc liên quan đến việc phân định biên giới hoặc lãnh thổ.

Các quan điểm thể hiện trong ấn phẩm này không nhất thiết phản ánh quan điểm của IUCN hoặc các tổ chức tham gia khác.

Tình trạng và hoàn cảnh thực tế của tất cả các ví dụ sử dụng trong ấn phẩm có giá trị tại thời điểm xuất bản.

Xuất bản bởi: IUCN, Gland, Thụy Sĩ

Bản quyền: © 2019 IUCN, Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế.

Được phép sao chép ấn phẩm này cho mục đích giáo dục hoặc các mục đích phi thương mại khác sẽ không cần sự cho phép trước bằng văn bản của chủ sở hữu bản quyền với điều kiện phải ghi rõ nguồn. Không được phép sao chép ấn phẩm này để bán lại hoặc cho các mục đích thương mại khác nếu không có sự cho phép trước bằng văn bản của chủ sở hữu bản quyền.

Trích dẫn: Nhóm Chuyên trách về OECMs của IUCN - WCPA, (2019). *Xác định và báo cáo về các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác*. Gland, Thụy Sĩ: IUCN.

ISBN: 978-2-8317-2025-8 (PDF)

DOI: <https://doi.org/10.2305/IUCN.CH.2019.PATRS.3.en>

Ảnh bìa: Trên cùng bên trái: 6. Một cá thể voi Borneo đi dọc theo bờ sông trong khu vực do cộng đồng quản lý, gần làng Abai, trong Khu Ramsar hạ Kinabatangan-Segama, Sabah (Malaysia). © Harry Jonas. **Trên cùng bên phải:** Anh William Myers người Yunesit'in, một trong sáu cộng đồng Tsilhqot'in, trong chuyến cưỡi ngựa ở vùng núi của Công viên Bộ lạc Dasiqox (British Columbia, Canada). © Jeremy Williams. **Dưới cùng bên phải:** Một cá thể báo đi dọc theo đường băng của Căn cứ Không quân Hoedspruit, nơi có một khu vực được bảo tồn rộng hơn 2000 ha xung quanh căn cứ là nơi huấn luyện và vùng đệm dân sự (Hoedspruit, Nam Phi). © Căn cứ Không quân Hoedspruit. **Ở giữa phía dưới:** Một điểm di tích xác tàu đắm ở Quần đảo Scilly (Vương quốc Anh), nơi không cho phép tiến hành các hoạt động phát triển, và tạo nên một môi trường không bị xáo trộn cho sinh vật biển phát triển. Nguồn ảnh: © Dan Laffoley. **Dưới cùng bên trái:** Trẻ em địa phương khám phá môi trường xung quanh tại một khu bảo tồn nhượng quyền ở vùng Loreto, Peru. © Bruno Monteferrri. **Ở giữa bên trái:** Khu Dự trữ Sinh quyển Dyfi ở miền trung xứ Wales, là một khu vực gồm các khu bảo vệ do chính phủ và tư nhân quản lý và các vùng đất tư chủ yếu để nuôi cừu và chăn thả gia súc. Các vùng đất sở hữu tư nhân có giá trị đa dạng sinh học cao, bao gồm cả những cánh rừng cổ thụ. Những giá trị này ngoài việc được thừa nhận bởi việc đề cử và xây dựng khu dự trữ sinh quyển, một đề án trị giá hàng triệu bảng đang tập trung vào việc khôi phục các quá trình tự nhiên ở Thung lũng Dyfi - một vùng cảnh quan bao gồm núi, đồng cỏ, rừng cây, đầm lầy than bùn và vùng cửa sông và ven biển rộng lớn với các phức hệ cồn cát. Với mục tiêu đạt được ít nhất 10.000 ha đất liền và 28.400 ha biển, toàn bộ khu vực này có thể bao gồm một loạt các OECMs tiềm năng. © Equilibrium Research. **Ở giữa:** Mặt trời lặn ở làng Tovu trên đảo Totoya (Fiji), nơi các nhà lãnh đạo cộng đồng đang lồng ghép các phương pháp tiếp cận khu vực biển do địa phương quản lý với quy hoạch quy mô cảnh quan biển. © Stacy Jupiter. **Bìa sau:** Một thành viên trẻ của một gia đình Bajau băng qua một rạn san hô vào đầu giờ tối (Sabah, Malaysia). © Harry Jonas.

Thiết kế và dàn trang: Miller Design

Ấn phẩm có tại: Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN)

Chương trình Toàn cầu về các Khu Bảo vệ

Rue Mauverney 28

1196 Gland

Thụy Sĩ

wcpa@iucn.org

www.iucn.org/resources/publications

Mục lục

Lời tựa	iv
Tóm tắt	v
Lời cảm ơn	vi
Thuật ngữ	viii
Danh mục các chữ viết tắt	x
Danh mục hộp, bảng và hình	x
1. Mở đầu	1
2. Định nghĩa và các đặc điểm	3
3. Xác định các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác trong thực tế	8
4. Giám sát và báo cáo về các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác	13
Tài liệu tham khảo	14
Phụ lục	
Phụ lục I. Mối quan hệ phổ quát giữa các Mục tiêu Aichi và Mục tiêu 11	16
Phụ lục II. Hỗ trợ ra quyết định: Mục tiêu Aichi 11 có phải là Mục tiêu Aichi thích hợp nhất để đánh giá một biện pháp bảo tồn không?	18
Phụ lục III. Cơ sở Dữ liệu Thế giới về các Khu Bảo vệ	20

Lời tựa

Nhiều khu vực nằm ngoài mạng lưới khu bảo vệ cấp quốc gia và cấp khu vực nhưng cũng có vai trò trong việc bảo tồn *nguyên vị* đa dạng sinh học một cách hiệu quả. Việc xác định, báo cáo và hỗ trợ một cách hiệu quả những khu vực như vậy ngày càng quan trọng trong bối cảnh mất đa dạng sinh học và biến đổi khí hậu. Các bên tham gia Công ước Đa dạng Sinh học (CBD) đã sớm công nhận 'Khu vực có các Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác' (OECM) trong Kế hoạch Chiến lược của CBD (2011-2020) sẽ mang lại cơ hội to lớn để đạt được mục tiêu này.

Nhóm Tư vấn kỹ thuật chuyên trách về các Biện pháp Bảo tồn theo khu vực Hiệu quả khác của Ủy ban Toàn cầu về các Khu Bảo vệ của IUCN đã góp phần vào việc thông qua định nghĩa, nguyên tắc hướng dẫn, đặc điểm chung và tiêu chí để xác định OECM tại Hội nghị các Bên lần thứ 14 của CBD (Quyết định của CBD) 14/8). Thế giới giờ đây có cơ hội nhận thức rõ hơn về hoạt động bảo tồn trên thực tế đang diễn ra bên ngoài các khu bảo vệ được chỉ định và do nhiều bên thực hiện, bao gồm người dân bản địa, cộng đồng địa phương, khu vực tư nhân và các cơ quan chính phủ.

Việc công nhận các OECM phù hợp sẽ mang lại cơ hội thu hút và hỗ trợ các bên liên quan và các chủ sở hữu quyền, đồng thời thúc đẩy quan hệ đối tác công bằng hơn trong các nỗ lực bảo tồn toàn cầu, làm đa dạng hơn sự đóng góp của các loại hình bảo tồn trên toàn cầu. Nếu được thừa nhận, các OECM sẽ góp phần bảo tồn đa dạng sinh học theo nhiều cách thức, chẳng hạn như: bảo tồn các hệ sinh thái đại diện, các sinh cảnh và hành lang tự nhiên quan trọng; hỗ trợ phục hồi các loài bị đe dọa; duy trì chức năng hệ sinh thái và đảm

bảo các dịch vụ hệ sinh thái; tăng cường khả năng chống chịu trước các mối đe dọa; và góp phần cải thiện công tác quản lý và phục hồi các khu vực có thể sử dụng cho việc bảo tồn *nguyên vị* đa dạng sinh học. OECM có thể đóng góp cho các hệ thống kết nối chặt chẽ và có tính đại diện về mặt sinh thái của các khu bảo vệ và bảo tồn, được tích hợp trong các cảnh quan biển và đất liền rộng lớn hơn.

Như với bất kỳ một cấu trúc 'mới' nào, cần có quá trình vừa tìm tòi vừa thực hiện. Để đảm bảo vai trò trọn vẹn của các OECM trong việc thúc đẩy bảo tồn hiệu quả đòi hỏi những nỗ lực đáng kể để xây dựng năng lực trong việc xác định, giám sát và duy trì các giá trị đa dạng sinh học của chúng ở cấp quốc gia và khu vực. OECM mang đến cơ hội thú vị để nhận diện và mở rộng quy mô các vùng được bảo tồn, theo nhiều chế độ quản lý và quản trị, như đã vạch ra trong Mục tiêu Aichi 11. Thách thức chính sẽ là làm thế nào để vừa công nhận và hỗ trợ các khu vực được bảo tồn đầy đủ, vừa thực hiện các nghĩa vụ quốc gia về quản lý bền vững hơn các hoạt động sản xuất tại những vùng lâm nghiệp, nông nghiệp và thủy sản - những vùng không đáp ứng các tiêu chí của OECM nhưng cũng có thể đóng góp cho các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs).

Khi các Bên tham gia Công ước thảo luận về Khung Đa dạng sinh học sau năm 2020, các hướng dẫn này sẽ tiếp tục góp phần quan trọng vào việc đảm bảo rằng các OECM được công nhận một cách thỏa đáng và đóng góp cho cả mục tiêu về độ che phủ lẫn tính đại diện sinh thái thông qua 'hệ thống các khu bảo vệ và các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác'.

Tiến sĩ Grethel Aguilar

Quyền Tổng Giám đốc,
Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế

Tiến sĩ Cristiana Paşca Palmer

Thư ký Điều hành,
Công ước Đa dạng Sinh học

Tóm tắt

Kế hoạch Chiến lược về Đa dạng Sinh học 2011 - 2020, được thông qua tại Nagoya, cung cấp khuôn khổ để thực hiện hiệu quả Công ước Đa dạng Sinh học (CBD) với 20 mục tiêu trong giai đoạn 2011 - 2020. Mục tiêu Aichi 11 nêu rõ việc bảo tồn sẽ đạt được thông qua các **hệ thống khu bảo vệ và các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác được quản lý hiệu quả và công bằng, mang tính đại diện về mặt sinh thái và được kết nối tốt**. Trong khi các khu bảo vệ đã được định nghĩa và có các tiêu chí rõ ràng, thì định nghĩa và tiêu chí để xác định 'Khu vực có các Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác' lại chưa được thống nhất và làm rõ.

Vào tháng 11 năm 2018, vấn đề này đã được khắc phục khi các Bên tham gia công ước Đa dạng sinh học thông qua tại Hội nghị các Bên lần thứ 14 định nghĩa về "Khu vực có các Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác" (OECM) cũng như các nguyên tắc hướng dẫn, đặc điểm chung và tiêu chí để xác định các OECM (CBD/ COP/ DEC/14/8). Quyết định 14/8 định nghĩa một OECM là:

Một khu vực được xác định về mặt địa lý, không phải là khu bảo vệ, được quản trị và quản lý để đạt được kết quả tích cực và bền vững lâu dài về bảo tồn nguyên vẹn đa dạng sinh học cùng với các chức năng và dịch vụ hệ sinh thái liên quan và nếu có thể, bảo tồn các giá trị văn hóa, tinh thần, kinh tế xã hội và các giá trị có liên quan khác tại địa phương.

Trong khi các khu bảo vệ phải có mục tiêu chính là bảo tồn, đối với OECMs đây không phải là mục tiêu hàng đầu. OECMs có thể được quản lý cho nhiều mục tiêu khác nhau nhưng phải mang lại hiệu quả bảo tồn. Chúng có thể được quản lý với việc bảo tồn như một mục tiêu chính hoặc thứ cấp hoặc việc bảo tồn lâu dài chỉ là kết quả gián tiếp của các hoạt động quản lý.

Việc công nhận các OECM mang lại một cơ hội quan trọng để công nhận hoạt động bảo tồn lâu dài có hiệu quả trên thực tế đang diễn ra bên ngoài các khu bảo vệ, được chỉ định dưới một loạt các cách thức quản trị và quản lý, được thực hiện bởi nhiều bên khác nhau, bao gồm cả người dân bản địa và cộng đồng địa phương, khu vực tư nhân và các cơ quan

chính phủ. OECM có thể đóng góp cho hệ thống bảo tồn được kết nối chặt chẽ và có tính đại diện về mặt sinh thái, được tích hợp với các cảnh quan rộng hơn trên đất liền và trên biển, và nhờ vậy, tạo ra một loạt các kết quả bảo tồn tích cực, chẳng hạn như:

- Bảo tồn các hệ sinh thái, sinh cảnh và hành lang tự nhiên quan trọng;
- Hỗ trợ phục hồi các loài bị đe dọa;
- Duy trì các chức năng của hệ sinh thái và đảm bảo các dịch vụ hệ sinh thái;
- Tăng cường khả năng chống chịu trước các mối đe dọa; và
- Giữ lại và kết nối những phần còn lại của các hệ sinh thái bị chia cắt tại các cảnh quan đã diễn ra hoạt động phát triển.

Nhóm chuyên trách của WCPA về OECMs xây dựng hướng dẫn này để hỗ trợ các Bên tham gia trong việc giải thích và thực thi Quyết định 14/8 và để bắt đầu xây dựng một bộ hướng dẫn thực hành về xác định và báo cáo các OECM. Hướng dẫn được thiết kế để áp dụng cho nhiều mức độ khác nhau, từ việc xem xét một khu vực có phải là OECM hay không đến việc báo cáo số liệu thống kê về OECM ở cấp quốc gia và toàn cầu nhằm đánh giá tiến độ đạt được các mục tiêu bảo tồn.

Phần 1 cung cấp thông tin cơ bản về thuật ngữ 'Khu vực có các Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác' và tổng quan về quá trình dẫn đến Quyết định 14/8 của CBD.

Phần 2 đưa ra định nghĩa về OECM và giải thích từng cấu phần của định nghĩa và tiêu chí.

Phần 3 đưa ra một công cụ sàng lọc đơn giản để xác định 'các ứng viên OECM' và một danh sách gợi ý về các OECM tiềm năng cũng như các khu vực không đáp ứng được các tiêu chí. Việc sàng lọc và đánh giá từng khu vực cụ thể rất quan trọng, nhằm đảm bảo khu vực đó đáp ứng các tiêu chí để mang lại hiệu quả bảo tồn trong thời gian dài.

Phần 4 đưa ra quy trình giám sát và báo cáo OECMs, nhấn mạnh đến cơ sở dữ liệu toàn cầu về Bảo vệ Hành tinh do Trung tâm Giám sát Bảo tồn Thế giới của UNEP quản lý.

Lời cảm ơn

Hướng dẫn này được soạn thảo bởi Nhóm chuyên trách về các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác của Ủy ban toàn cầu về các Khu Bảo vệ của IUCN. Nhóm chuyên trách đã làm việc trong ba năm để hỗ trợ quá trình xây dựng Quyết định 14/8 của CBD về “các khu bảo vệ và các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác”, được 196 Bên thông qua tại Hội nghị các bên lần thứ 14 (tháng 11 năm 2018). Tư vấn kỹ thuật này liên quan trực tiếp đến Quyết định 14/8 của CBD về việc xác định và báo cáo các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác (OECMs), đôi khi được gọi là các khu vực được bảo tồn.

Nhóm chuyên trách do Kathy MacKinnon (Chủ tịch WCPA, Vương quốc Anh) và Harry Jonas (Anh/Malaysia) đồng chủ trì và bao gồm hơn 120 chuyên gia thành viên. Bản thảo này được chỉnh sửa bởi các Đồng Chủ trì và một nhóm biên tập bao gồm Nigel Dudley (Anh), Marc Hockings (Úc), Dan Laffoley (Anh), David MacKinnon (Canada), Trevor Sandwith (Nam Phi) và Stephen Woodley (Canada).

Bốn hội thảo chuyên gia của Nhóm chuyên trách đã được tổ chức: tại Cambridge, Anh (tháng 1 năm 2016), Vilm, Đức (tháng 7 năm 2016 và tháng 7 năm 2019), Vancouver, Canada (tháng 2 năm 2017). IUCN/WCPA xin cảm ơn Cục Bảo tồn Thiên nhiên Liên bang Đức (BfN), Cục Môi trường Liên bang Thụy Sĩ, SwedBio và Hiệp hội Công viên và Vùng hoang dã Canada (CPAWS) vì những đóng góp tài chính cho hoạt động của Nhóm chuyên trách. Chúng tôi rất biết ơn các nhân viên tại Trung tâm Giám sát Bảo tồn Thế giới của UNEP (UNEP - WCMC) ở Cambridge (Anh), Gisela Stolpe và Bettina Ohnesorge (BfN) ở Vilm (Đức) và Sabine Jessen (CPAWS) ở Vancouver (Canada) vì công tác hậu cần trong việc tổ chức và hỗ trợ các cuộc hội thảo này. Chúng tôi cũng cảm ơn Sarat Gidda và các đồng nghiệp tại Ban thư ký CBD vì sự tham gia tích cực của họ trong suốt quá trình, bao gồm cả việc đồng tổ chức một số sự kiện bên lề tại các cuộc họp của các Bên.

Trong quá trình xây dựng hướng dẫn này, các thành viên của Nhóm chuyên trách và các chuyên gia khác đã cung cấp nhiều phản hồi, thông tin và nghiên cứu điển hình có giá trị. Chúng tôi rất biết ơn những người sau đây vì những đóng góp của họ (những người cung cấp nghiên cứu điển hình được đánh dấu hoa thị): Agnes Agama (Malaysia), Tundi Agardy (Mỹ), Khaled Allam Harhash (Ai Cập), Helena Alvez-Pinto (Brazil), Thora Amend* (Đức), Michele Andrianarisata* (Madagascar), Ny Aina Andrianarivelo* (Madagascar), Ludi Apin (Malaysia), Alexandra Areiza (Colombia), Clarissa Arida (Philippines), Peter Auster (Mỹ), Ghanimat Azhdari (Iran), Tim Badman (Anh/Thụy Sĩ), Megan Barnes (Úc), Juan Bezaury-Creel (Mexico), Seema Bhatt (Ấn Độ), Dominique Bikaba (Cộng hòa Dân chủ Congo), Heather Bingham* (Anh), Grazia Borrini Feyerabend* (Ý /Thụy Sĩ), Peter Bridgewater (Úc), Johnny Briggs (Anh), Thomas Brooks (Anh/Thụy Sĩ), Jessica Brown* (Mỹ), Jens Bruggemann* (Đức), Neil Burgess (Anh), Catie Burlando (Ý), Stuart Butchart (Anh), Pete

Chaniotis (Anh), Maria Elfi Chávez (Colombia), Gladman Chibememe (Zimbabwe), Christie Chute* (Canada), Pepe Clark (Úc/ Anh), Peter Cochrane (Úc), Laura Cornick (Anh), Mark Costello (New Zealand), Mason Croft (Mỹ), Adrian Davey (Úc), Mimi D'Iorio (Mỹ), Pablo Dominguez (Tây Ban Nha), Paul Donald* (Anh), Alkaly Doumbouya* (Guinea), Lisa Duarte (Mỹ), Steve Edwards (Anh/Thụy Sĩ), Hany El Shaer (Ai Cập), Cristina Eghenter* (Ý), Shahul Faizi Hameed (Ấn Độ), Edgar Fernández (Costa Rica), Gregor Fischenich (Đức), Vin Fleming (Anh), Amelia Fowles (Úc), Christine Franklin (Mỹ), Sandra Galán (Colombia), Delfin Ganapin (Philippines), Carolina Garcia Imhof (Colombia), Sonali Ghosh (Ấn Độ), Rachel Golden Kroner (Mỹ), Hugh Govan (Anh/Fiji), Stephen Grady (Anh), Tarsicio Granizo (Ecuador), Tarsicio Granizo (Ecuador), Ania Grobicki (Nam Phi/Thụy Sĩ), Catalina Gutierrez (Colombia), James Hardcastle (Anh/Thụy Sĩ), Terence Hay Edie (Thụy Sĩ/Thái Lan), Yifan (Flora) He (Trung Quốc), Robert Hélie (Canada), Ro Hill (Úc), Amber Himes-Cornell (Mỹ), Marc Hockings (Úc), Elaine Hsiao (Canada), Claudia Ituarte Lima (Mexico), Sabine Jessen* (Canada), Holly Jonas (Canada/Malaysia), Stacy Jupiter (Mỹ/Fiji), Theodore Karfakis (Hy Lạp), Jennifer Kelleher (Cộng hòa Ireland), Kate Kincaid (Canada), Jonathan Kirui (Kenya), Rebecca Klaus (Anh), Naomi Kingston* (Ireland/Anh), Eskild Kirkegaard (Đan Mạch), Mirjam de Konig (Hà Lan), Sigrid Kuehnemund (Canada), Barbara Lang (Đức/Benin), Thierry Lefebvre (Pháp), Christopher Lemieux (Canada), Clare Lewis (Anh), Harvey Locke (Canada), Julia Miranda Londono (Colombia), Ali Mahamane (Niger), Claudio Maretta (Brazil), Michael Mascia (Mỹ), Lisa McLaughlin (Canada), Daniel Marnewick (Nam Phi), Clara Lucia Matallana-Tobón* (Colombia), Pradeep Mehta (Ấn Độ), Mehmet Metaj (Albania), Rossana Merizalde (Mỹ), Amy Milam (Mỹ), Carmen Miranda (Bolivia), Brent Mitchell* (Mỹ), Rahul Mungikar (Ấn Độ) Daniel Mwamidi (Kenya), Helen Newing (Anh), Onkemetse Nteta* (Nam Phi), Melissa Jane Nursey-Bray (Úc), Aboubacar Oularé (Guinea), Gisela Paredes (Colombia), Roberto Pereyra Lobos (Argentina), Jacques Perron* (Canada), Dimitra Petza (Hy Lạp/Ý), Hugh Possingham (Úc), Jeff Pradel (Peru), Madhu Rao (Ấn Độ/ Vương quốc Anh/Singapore), Andrew Rhodes* (Mexico), Ryan Richards (Mỹ), Danielle Ryan (Úc), Marina Rosales (Peru), Carlos Saavedra (Colombia), Yoav Sagi (Israel), Marcela Santamaria (Colombia), Elsa Sattout (Lebanon), Klaus Schmitt* (Đức), Faizi Shahul Hameed (Ấn Độ), Sushma Shresthma (Nepal/Mỹ) Joanna Smith (Canada), Dermot Smyth (Úc), Clara Solano (Colombia), Mark Spalding (Anh), Candice Stevens (Nam Phi), Todd Stevenson (Mỹ), Mavra Stithou (Hy Lạp), Sue Stolton (Anh), Teki Surayya (Ấn Độ), Kim Taylor Thompson* (Canada), Parfait Tchuenfo (Cameroon), Anteneh Tesfaw (Ethiopia), David Thomas (Anh), Ted Trzyna (Mỹ), Agus Utomo* (Indonesia), Bas Verschuuren (Hà Lan), Francis Vorhies (Anh), Agus Budi Utomo* (Indonesia), John Waitthaka* (Kenya), Sonam Wangchuk* (Bhutan), James Watson (Úc), Sue Wells (Anh), Sheila Wertz-Kanounnikoff (Đức), Tara Whitty (Mỹ), Hesti Widodo* (Indonesia), Ryan Wilkie (Anh/Đan Mạch), James

Williams (Anh), Linda Wong (Trung Quốc), Dale Wright (Nam Phi), Kim Sander Wright* (Canada), Llewellyn Young* (Hong Kông/Thụy Sĩ), Hag Young Heo (Hàn Quốc) và Jinfeng Zhou (Trung Quốc).

Các cá nhân khác đã có những đóng góp hoặc nghiên cứu điển hình, bao gồm:

Simon Albert (Úc), Eugenio Barrios (Mexico), Alexandra Barron (Canada), Nicole Bendsen (Đức), Bastian Bertzky (Nam Phi/Ý), Caroline Butler (Canada), Tony Charles (Canada), Sushila Chatterjee Nepali (Nepal), Roger Crofts (Anh), Terence Dacles (Philippines), Steve Diggon (Canada), William Dunbar (Mỹ/Nhật), Kim Dunn (Canada), Jessica Elliott (Canada), Ninel Escobar (Mexico), Roman Eyholzer (Thụy Sĩ), Fred Ford (Úc), Robyn Forrest (Canada), Kim Friedman (Úc/ Ý), Mervi Heinonen (Phần Lan), Erich Hoyt (Mỹ/Anh), Olaf Jensen (Canada), Francois Lengrand (Pháp), Satnam Manhas (Canada), Joe McCarter (New Zealand), Martine Maron (Canada), Chris McDougall (Canada), Günter Mühlbauer (Đức), Mariana Zareth Nava Lopez (Mexico), Saw Tun Khaing (Myanmar), Linda Nowlan (Canada), Shane Orchard (New Zealand), Allison Pritchard (Canada), Ravaka Ranaivoson (Madagascar), Sergio Salinas-Rodríguez (Mexico), Paul Scholte (Đức), Archana Sharma (Mỹ), Rebecca Singleton (Anh/Canada), Charlotta Sörqvist (Thụy Điển), Bruce Stewart (Canada), Gary Tabor (Mỹ), Kaori Tsujita (Nhật Bản), Siyu Qin (Trung Quốc/Mỹ), Basile Van Havre (Canada), Liette Vasseur (Canada), Scott Wallace (Canada), Bill Wareham (Canada), Gladys Warigia Njoroge (Kenya), Mike Wong (Canada), Alison Woodley (Canada), Edgar Yerena (Venezuela) và Natori Yoji (Nhật Bản).

WCPA cũng xin cảm ơn John Waithaka và Lucy Waruingi đã tổ chức một hội thảo ở Kenya về dự thảo Hướng dẫn vào năm 2017 và những cá nhân sau đây đã thử nghiệm hướng dẫn tại thực địa ở Bermuda: Alison Copeland, Peter Drew, Dan

Laffoley, Jeremy Madeiros, Sarah Manuel, Simieon Massey, Drew Pettit, Joanna Pitt, Philippe Rouja, Mandy Shailer, Robbie Smith, Tammy Trott, Craig Trott và Julie Marshall. Việc triển khai một số lượng lớn các nghiên cứu điển hình ở Colombia do Clara Matallana (Instituto Humboldt) phụ trách, với sự hỗ trợ của Alexandra Areiza, Maria Elfi Cháves, Sandra Galán, Clara Solano và Marcela Santamaria, và sự đóng góp của Jony Albeiro Arias, Luis Alimaco, Germán Andrade, Mónica Arroyave, Atanasio Barros, Hermes Carreño, Claudia Céspedes, Stephanie Gailer, Daniel Garavito, Pedro Garavito, Carolina Gil, Brian Hettler, Eduardo Londoño, Juanita Londoño, Jorge Hernán López, Ricardo Rey, Jerónimo Rodríguez Escobar, Alejo Sauna Mamatacán, Dignory Soto Londoño, José de los Santos Sauna, José Shibulata Zarabata, Carlos Vieira, và Jacinto Zarabata.

Quá trình xây dựng hướng dẫn này được kế thừa từ kết quả xây dựng hướng dẫn về các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác của Ủy ban về các Khu vực Sinh thái Canada (MacKinnon et al., 2015) và được bổ sung bởi kết quả nghiên cứu về mối quan hệ giữa các Khu Đa dạng Sinh học Trọng yếu (KBA), các khu bảo vệ và các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác do BirdLife International và các đối tác chủ trì (BirdLife, 2017). Các cuộc hội thảo để thử nghiệm các dự thảo ban đầu của hướng dẫn đã được tổ chức ở Kenya, Colombia, Bermuda và Nam Phi. Số đặc biệt của tạp chí PARKS (IUCN-WCPA, 2018) cung cấp một số ví dụ về nghiên cứu điển hình, xem: <https://parksjournal.com/list-of-papers/>

Để biết thêm thông tin về Nhóm chuyên trách, bao gồm tất cả các kết quả đầu ra và nghiên cứu điển hình, vui lòng xem: [www.iucn.org/ theme/protectedarea/wcpa/what-we-do/oecms](http://www.iucn.org/theme/protectedarea/wcpa/what-we-do/oecms)

Vui lòng gửi bất kỳ câu hỏi hoặc phản hồi nào tới:

oecm@wcpa.iucn.org

Thuật ngữ

Đa dạng sinh học: Sự biến đổi giữa các cơ thể sống từ mọi nguồn, bao gồm các hệ sinh thái trên đất liền, dưới biển và các hệ sinh thái thủy vực khác và mọi tổ hợp sinh thái mà chúng tạo nên. Đa dạng sinh học bao gồm sự đa dạng trong loài, giữa các loài và các hệ sinh thái. (Điều 2 Công ước Đa dạng Sinh học).

Ứng viên OECM: Một không gian được định rõ về mặt địa lý được xác định là “có tiềm năng trở thành OECM” và được cơ quan quản trị đồng ý để nó được đánh giá theo tiêu chí của CBD.

Vùng bảo tồn (khu vực được bảo tồn): Các bên tham gia Công ước Đa dạng sinh học và các tổ chức khác ngày càng đề cập đến phạm trù “các khu bảo vệ và các vùng bảo tồn” (ví dụ, xem quyết định 14/8 của CBD và Danh lục xanh về các khu bảo vệ và bảo tồn của IUCN). Trong bối cảnh này, “các vùng bảo tồn” là các khu vực có thể đáp ứng các tiêu chí của “Khu vực có các Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác”.

Giá trị văn hóa và tinh thần: Bao gồm các giá trị giải trí, tôn giáo, thẩm mỹ, lịch sử và xã hội liên quan đến lợi ích hữu hình và vô hình mà thiên nhiên và các đặc điểm tự nhiên mang lại cho con người thuộc các nền văn hóa và xã hội khác nhau, đặc biệt nhấn mạnh đến những giá trị đóng góp cho kết quả bảo tồn (ví dụ: các phương thức quản lý truyền thống đối với các loài quan trọng, đa dạng sinh học hoặc toàn bộ hệ sinh thái hoặc sự hỗ trợ của xã hội đối với việc bảo tồn cảnh quan để duy trì chất lượng của chúng về mặt nghệ thuật hoặc thẩm mỹ) và di sản phi vật thể, bao gồm các tập quán văn hóa và tâm linh.

Các khu vực biển có ý nghĩa sinh thái hoặc sinh học (EBSAs): EBSAs là các khu vực đặc biệt trong đại dương có vai trò quan trọng, dưới hình thức này hay hình thức khác trong việc hỗ trợ gìn giữ chức năng của đại dương và nhiều dịch vụ mà đại dương cung cấp. (<https://www.cbd.int/ebsa/>)

Hệ sinh thái: Một phức hợp động của các quần xã thực vật, động vật, vi sinh vật và môi trường vô sinh của chúng cùng với sự tương tác giữa chúng với nhau như một thực thể có chức năng. (Điều 2 CBD).

Phương pháp tiếp cận hệ sinh thái: Phương pháp tiếp cận hệ sinh thái là một chiến lược quản lý tổng hợp đất, nước và tài nguyên sinh vật nhằm thúc đẩy bảo tồn và sử dụng bền vững một cách công bằng. Việc áp dụng phương pháp tiếp cận hệ sinh thái sẽ giúp đạt được sự cân bằng trong ba mục tiêu của Công ước. Phương pháp này dựa trên việc áp dụng các phương pháp luận khoa học phù hợp tập trung vào các cấp độ tổ chức sinh học bao gồm các quá trình, chức năng và tương tác thiết yếu giữa các sinh vật và môi trường của chúng. Phương pháp thừa nhận rằng con người, với sự đa dạng văn hóa, là một thành phần không thể thiếu của các hệ sinh thái. (<https://www.cbd.int/ecosystem/>).

Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, thông báo trước và được thông tin đầy đủ: Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, thông báo trước và được thông tin đầy đủ (FPIC) là một quyền cụ thể liên quan đến người dân bản địa và được ghi nhận trong Tuyên ngôn của Liên Hợp Quốc về Quyền của Người bản địa. Nó cho phép người dân đồng ý hoặc không đồng ý với một dự án có thể ảnh hưởng đến họ hoặc lãnh thổ của họ. Khi họ đã đồng ý, họ cũng có thể rút lại sự đồng ý này bất cứ lúc nào. Hơn nữa, FPIC cho phép họ đàm phán các điều kiện liên quan đến thiết kế, thực hiện, giám sát và đánh giá dự án. Điều này cũng nằm trong quyền tự quyết phổ quát. (LHQ, 2007).

Đa dạng địa chất: Sự đa dạng của các đặc điểm địa chất (đá, hóa thạch, khoáng chất), địa mạo (địa hình, các quá trình vật lý) và thổ nhưỡng, và bao gồm các tập hợp, mối quan hệ, tính chất, và hệ thống của chúng. (Grey, 2004).

Cơ quan quản trị: Tổ chức, cá nhân, người bản địa hoặc nhóm cộng đồng hoặc một cơ quan khác được thừa nhận là có thẩm quyền và trách nhiệm ra quyết định và quản lý một khu vực.

Sinh cảnh: Khu vực hoặc một kiểu hình khu vực mà một sinh vật hoặc quần thể xuất hiện tự nhiên. (Điều 2 CBD).

Người bản địa và cộng đồng địa phương: Báo cáo sử dụng thuật ngữ “người bản địa” và “cộng đồng địa phương” của Công ước Đa dạng sinh học.

Bảo tồn nguyên vẹn: Việc bảo tồn các hệ sinh thái và sinh cảnh tự nhiên, duy trì và phục hồi các quần thể có khả năng tồn tại và phát triển trong môi trường tự nhiên của chúng và, trong trường hợp các loài được thuần hóa hoặc nuôi trồng, trong môi trường nơi chúng đã hình thành nên các đặc tính đặc biệt của mình. (Điều 2 CBD).

Khu vực biển do địa phương quản lý: Khu vực biển do địa phương quản lý (LMMA) là một vùng nước gần bờ và các nguồn tài nguyên biển/ven biển liên quan được quản lý hoàn toàn hoặc phần lớn ở cấp địa phương bởi các cộng đồng ven biển, các chủ đất, các tổ chức đối tác và/hoặc đại diện chính phủ cư trú hoặc có trụ sở tại ngay khu vực đó. (<http://Immanetwork.org/>)

Cơ quan quản lý: Tổ chức hoặc cơ quan chịu trách nhiệm quản lý thường xuyên một khu vực. Cơ quan quản lý có thể trùng hoặc không trùng với cơ quan quản trị, là tổ chức hoặc cơ quan nắm giữ quyền hạn và trách nhiệm pháp lý hoặc theo thông lệ đối với khu vực.

OECM tiềm năng: Một không gian được định rõ về mặt địa lý, được xác định là có các đặc điểm của OECM thông qua các công cụ sàng lọc nhưng cơ quan quản trị vẫn chưa sẵn sàng để không gian đó trở thành một “Ứng viên OECM”.

Khu bảo vệ: CBD định nghĩa khu bảo vệ là: "Một khu vực được phân định rõ về mặt địa lý được chỉ định hoặc được quy định và quản lý cho các mục tiêu bảo tồn cụ thể" (CBD Điều 2). IUCN có một định nghĩa chi tiết hơn: "Một không gian địa lý được xác định rõ ràng, được công nhận, dành riêng và quản lý bằng pháp luật hoặc các phương thức có hiệu quả khác, để đạt được mục tiêu bảo tồn thiên nhiên lâu dài cùng với các dịch vụ hệ sinh thái và giá trị văn hóa đi kèm" (Dudley, 2008). CBD và IUCN công nhận hai định nghĩa này là tương đương nhau trên thực tế (Lopoukhine và Dias, 2012) vì trong cả hai trường hợp, các khu vực này đều nhằm mục đích bảo tồn *nguyên vị*.

Sử dụng bền vững: Việc sử dụng các hệ sinh thái tự nhiên theo một cách thức và mức độ nào đó không làm suy giảm lâu dài của đa dạng sinh học, nhờ đó duy trì tiềm năng của nó để đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng của các thế hệ hiện tại và tương lai. (Điều 2 CBD).

Danh mục các chữ viết tắt

CBD	Công ước Đa dạng Sinh học
COP	Hội nghị các Bên của CBD
EBSA	Các khu vực Biển có Ý nghĩa Sinh thái hoặc Sinh học
IBA	Các vùng Chim Quan trọng
ICCA	Địa phận và Khu vực bảo tồn bởi Cộng đồng và người Dân bản địa
IMMA	Vùng Động vật biển Quan trọng
IPA	Vùng Thực vật Quan trọng
IUCN	Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế
KBA	Vùng Đa dạng sinh học Trọng yếu
LMMA	Khu vực biển do Địa phương Quản lý
OECM	Khu vực có các Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác
PAME	Hiệu quả Quản lý Khu Bảo vệ
SBSTTA	Hội đồng tư vấn Khoa học, Kỹ thuật và Công nghệ của Công ước đa dạng sinh học
SDGs	Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên hợp quốc
UN	Liên Hợp Quốc
UNEP	Tổ chức Môi trường Liên hợp quốc
UNEP - WCMC	Trung tâm Giám sát Bảo tồn Thế giới của UNEP
WCC	Hội nghị Bảo tồn Toàn cầu của IUCN
WCPA	Ủy ban Toàn cầu về các Khu Bảo vệ của IUCN
WDPA	Cơ sở Dữ liệu Toàn cầu về các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác

Danh mục hộp, bảng và hình

Hộp 1.	Nhận diện hoặc thiết lập các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác	3
Hộp 2.	Phân tích cụ thể hơn về không gian địa lý	5
Hộp 3.	Di tích xác tàu đắm lịch sử, ví dụ như Scapa Flow - minh họa về mục tiêu bảo tồn gián tiếp	6
Hộp 4.	Phân tích kỹ hơn về đa dạng sinh học	7
Hộp 5.	Sử dụng công cụ sàng lọc - các điểm chính cần giải quyết	8
Hộp 6.	Đảm bảo Mục tiêu Aichi 11 là trọng tâm phù hợp	10
Hộp 7.	Phục hồi sinh thái trong các OECM	12
Bảng 1.	Các nguyên tắc cơ bản để xác minh dữ liệu đưa vào Cơ sở dữ liệu Bảo vệ Hành tinh	13
Hình 1.	Mối quan hệ giữa OECMs và các khu bảo vệ	4

1. Mở đầu

Bối cảnh

Kế hoạch Chiến lược về Đa dạng Sinh học 2011 - 2020 là khuôn khổ để thực hiện hiệu quả Công ước Đa dạng Sinh học (CBD) thông qua cách tiếp cận chiến lược, bao gồm tầm nhìn chung, sứ mệnh, mục tiêu và chỉ tiêu chiến lược (“Mục tiêu Đa dạng Sinh học Aichi”), đã truyền cảm hứng cho hành động trên diện rộng của tất cả các Bên tham gia công ước và các bên liên quan. Mục tiêu 11, thuộc Mục tiêu Chiến lược C, nhằm cải thiện tình trạng đa dạng sinh học bằng cách bảo vệ các hệ sinh thái, loài và đa dạng di truyền. Cụ thể là:

Đến năm 2020, ít nhất 17% diện tích đất liền và vùng nước nội địa và 10% diện tích biển và ven biển, đặc biệt là các khu vực có tầm quan trọng đặc biệt đối với đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái, được bảo tồn thông qua hệ thống các khu bảo vệ và các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác được quản lý hiệu quả và công bằng, có tính đại diện về mặt sinh thái và được kết nối tốt, và được tích hợp với các cảnh quan rộng hơn trên đất liền và trên biển.

Các khu bảo vệ tạo nền tảng cho các chiến lược bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia và cho việc thực hiện Mục tiêu 11 (Watson *et al.*, 2014). IUCN đã đưa ra hướng dẫn về định nghĩa, phân loại về mặt quản lý và các loại hình quản trị của các khu bảo vệ (Dudley, 2008; Borriani - Feyerabend *et al.*, 2013). Các bên tham gia CBD đã đưa “Các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác” (OECMs) vào Mục tiêu 11 vì một số khu vực bên ngoài mạng lưới khu bảo vệ được công nhận cũng đem lại kết quả bảo tồn *nguyên vị* đa dạng sinh học hiệu quả. Chúng có thể bao gồm các địa phận và khu vực bảo tồn được quản trị bằng bất kỳ một trong bốn hình thức: quản trị bởi chính phủ, các chủ thể tư nhân, người bản địa và cộng đồng địa phương, và các thỏa thuận quản trị chung. Kể cả khi đạt được các thành quả thuộc Mục tiêu 11 vào năm 2020, các khu bảo vệ và OECMs được dự kiến sẽ vẫn là một phần của các mục tiêu sau năm 2020 nhằm bảo tồn *nguyên vị* đa dạng sinh học, đồng thời, OECMs sẽ trở thành một công cụ được sử dụng phổ biến hơn trong các chiến lược bảo tồn.

Kể từ năm 2010, các Bên tham gia CBD đã đạt được tiến bộ đáng kể trong việc mở rộng hệ thống các khu bảo vệ, bao gồm cả việc tuyên bố nhiều khu bảo tồn biển rộng lớn (UNEP-WCMC và IUCN 2016, 2018). Việc định nghĩa, xác định, công nhận và báo cáo các OECM được tiến triển chậm hơn (Jonas *et al.*, 2014). Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN) và Ủy ban Toàn cầu về các Khu Bảo vệ của IUCN (WCPA) đã được các Bên tham gia CBD mời để “xây dựng hướng dẫn kỹ thuật nhằm đạt được đầy đủ các nội dung của Mục tiêu Đa dạng Sinh học Aichi 11”. (Quyết định COP XII/24 của CBD). Vào năm 2015, WCPA đã thành lập Nhóm Chuyên trách xây dựng hướng dẫn kỹ thuật về OECMs. Dự thảo hướng dẫn do nhóm chuyên trách xây dựng đã được gửi cho Ban thư ký

CBD và chia sẻ với các Bên của CBD, được thảo luận tại hai hội thảo do CBD tổ chức (tháng 2 năm 2018) và được trình bày tại các sự kiện bên lề của các cuộc họp Ủy ban Tư vấn Khoa học, Kỹ thuật và Công nghệ của CBD (2016-2018). Thông tin thêm về quá trình xây dựng Hướng dẫn có tại Sổ đặc biệt của tạp chí PARKS về OECMs (Jonas *et al.*, 2018).

Tại Hội nghị lần thứ 14 của các Bên tham gia CBD (COP 14) vào tháng 11 năm 2018, các Bên đã thông qua quyết định về “Các khu bảo vệ và các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác” (CBD/COP/DEC/14/8, <https://www.cbd.int/doc/decisions/cop-14/cop-14-dec-08-en.pdf>). Quyết định này đã thông qua định nghĩa về “Khu vực có các Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác” và các tiêu chí để xác định và quản lý các khu vực đó.

Quyết định 14/8, tại đoạn 9, tiếp tục mời IUCN và các cơ quan chuyên gia khác hỗ trợ các Bên trong việc xác định OECMs và trong việc áp dụng tư vấn khoa học và kỹ thuật về các tiêu chí để nhận diện chúng.

Quá trình xây dựng hướng dẫn này

Những hướng dẫn này được Nhóm chuyên trách của WCPA về các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác xây dựng theo yêu cầu của COP 14 nhằm hỗ trợ các Bên triển khai Quyết định 14/8. Chúng được thiết kế để áp dụng ở nhiều mức độ khác nhau, từ việc xem xét một khu vực có phải là OECM hay không đến việc báo cáo số liệu thống kê OECM ở cấp quốc gia và toàn cầu để đánh giá tiến độ đạt được các mục tiêu bảo tồn. Quá trình xây dựng hướng dẫn này kế thừa các kết quả xây dựng hướng dẫn về các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác của Ủy ban về các Khu vực Sinh thái Canada (MacKinnon *et al.*, 2015) và được bổ sung bởi kết quả nghiên cứu về mối quan hệ giữa các Khu Đa dạng Sinh học Trọng yếu (KBA) (IUCN, 2016), các khu bảo vệ và các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác do BirdLife International và các đối tác chủ trì (Donald *et al.*, 2019).

Đối tượng chính mà hướng dẫn này nhắm đến là các Bên tham gia CBD, cơ quan chính phủ, cơ quan Liên hợp quốc (UN), tổ chức phi chính phủ (NGO), tổ chức tư nhân, tổ chức của người bản địa, cộng đồng địa phương và các tổ chức, cơ quan và cá nhân khác quan tâm đến việc hiểu, áp dụng và theo dõi tiến trình đạt được Mục tiêu Aichi 11 và các mục tiêu bảo tồn khác. OECMs cũng sẽ đóng góp trực tiếp và gián tiếp vào việc đạt được một số Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) của Liên hợp quốc. Việc thực hiện OECMs cũng sẽ cung cấp thêm thông tin cho quá trình xây dựng Khung Đa dạng sinh học sau năm 2020 của CBD và trong việc đạt được các mục tiêu SDG, nhất là trong bối cảnh các phương

pháp tiếp cận cảnh quan trên đất liền và trên biển đang được áp dụng cho công tác bảo tồn (CBD, 2019). Hướng dẫn này được áp dụng cho toàn bộ các khu vực trên đất liền, thủy vực nước ngọt và biển. Vì vậy, nó có thể cung cấp thông tin cho các quá trình khác, bao gồm việc thảo luận về một hiệp ước ràng buộc pháp lý về khu bảo tồn biển tại vùng Biển khơi.

Nội dung của hướng dẫn này

Hướng dẫn này cung cấp thông tin về cách áp dụng định nghĩa về OECMs ở các cấp độ bảo tồn quy mô quốc tế, quốc gia, khu vực hoặc địa phương và trong việc báo cáo về OECMs cho Cơ sở dữ liệu Toàn cầu về các Khu Bảo vệ và cho CBD. Nó giải thích định nghĩa về "Các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác", cùng với các công cụ và phương pháp được đề xuất để xác định, công nhận, giám sát và báo cáo OECMs. Các phần tiếp theo sẽ xem xét mối quan hệ với các Mục tiêu Aichi về đa dạng sinh học, sự khác biệt giữa các khu bảo vệ và OECMs, và cách báo cáo cho Cơ sở Dữ liệu Toàn cầu về các Khu Bảo vệ (WDPA). Bằng việc hiện thực hóa nội dung của Quyết định 14/8, hướng dẫn này cho thấy cách OECMs được áp dụng trong khuôn khổ các nguyên tắc hiện có do CBD, IUCN và các đối tác đặt ra liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học, quyền con người và phát triển bền vững.

Bằng việc mang lại kết quả bảo tồn *nguyên vị* đa dạng sinh học hiệu quả, OECMs có thể góp phần duy trì các giá trị đa dạng sinh học hiện có và cải thiện kết quả bảo tồn đa dạng sinh học, chẳng hạn như thông qua việc bảo tồn các hệ sinh thái, sinh cảnh và hành lang tự nhiên quan trọng, hỗ trợ phục hồi các loài bị đe dọa, duy trì các chức năng của hệ sinh thái và đảm bảo các dịch vụ hệ sinh thái, tăng cường khả năng chống chịu trước các mối đe dọa, đồng thời duy trì và kết nối những phần còn lại của các hệ sinh thái bị chia cắt trong các cảnh quan bị suy thoái. OECMs có thể góp phần vào mạng lưới bảo tồn được kết nối chặt chẽ và có tính đại diện về mặt sinh thái, được tích hợp với những cảnh quan rộng hơn trên đất liền và trên biển.

Việc xác định các OECM và công nhận cơ cấu quản trị và quản lý của nó tạo cơ hội để thu hút và hỗ trợ nhiều đối tác mới trong các nỗ lực bảo tồn toàn cầu. Trong một số trường hợp, điều này cho phép đối thoại và thúc đẩy hòa giải thông qua sự công nhận một cách thỏa đáng đối với "Các khu vực được bảo vệ và bảo tồn của người bản địa" (Indigenous Circle of Experts, 2018). Việc công nhận một khu vực là OECM sẽ khuyến khích bảo tồn và quản lý bền vững các khu vực có ý nghĩa về đa dạng sinh học bên ngoài các khu bảo vệ, chẳng hạn như Vùng Đa dạng Sinh học Trọng yếu (KBA), Vùng Thực vật Quan trọng (IPA), Vùng Chim Quan trọng (IBA), Vùng Động vật biển Quan trọng (IMMA) và Khu vực biển có Ý nghĩa Sinh thái hoặc Sinh học (EBSA), với lưu ý rằng các khu vực đó phải thỏa mãn được định nghĩa về một OECM. Việc áp dụng các hướng dẫn này cũng có thể góp phần tăng cường quản trị hoặc quản lý các ứng viên OECM.

2. Định nghĩa và các đặc điểm

2.1. Định nghĩa về “Khu vực có các Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác”

Một “Khu vực có các Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác” (OECM) được CBD định nghĩa trong Quyết định 14/8 là:

Một khu vực được xác định về mặt địa lý, không phải là khu bảo vệ, được quản trị và quản lý theo những phương thức nhằm đạt được kết quả tích cực và bền vững lâu dài về bảo tồn nguyên vẹn đa dạng sinh học với các chức năng và dịch vụ hệ sinh thái liên quan và trong trường hợp phù hợp, bảo tồn cả các giá trị văn hóa, tinh thần,

kinh tế xã hội, và các giá trị có liên quan khác tại địa phương. (CBD, 2018).

Định nghĩa về OECM bổ sung cho định nghĩa của IUCN về khu bảo vệ (Dudley, 2008). IUCN định nghĩa khu bảo vệ là:

Một không gian địa lý được xác định rõ ràng, được công nhận, dành riêng và quản lý bằng pháp luật hoặc các phương thức có hiệu quả khác, để đạt được mục tiêu bảo tồn thiên nhiên lâu dài cùng với các dịch vụ hệ sinh thái và giá trị văn hóa đi kèm.

Tiêu chí phân biệt 2 phạm trù này là khu bảo vệ có mục tiêu chính là **bảo tồn**, còn “Khu vực có các Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác” **mang lại hiệu quả bảo tồn nguyên vẹn đa dạng sinh học bất kể mục tiêu của nó là gì.**

Hộp 1

Nhận diện hoặc thiết lập các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác

Các khu bảo vệ và OECMs đều được kỳ vọng sẽ mang lại kết quả bảo tồn *nguyên vẹn* đa dạng sinh học lâu dài và hiệu quả. Tuy nhiên, trong khi các khu bảo vệ có mục tiêu quản lý chính là bảo tồn thiên nhiên, thì các OECM có thể có hoặc không có mục tiêu bảo tồn thiên nhiên.

Các phương pháp tiếp cận mang lại hiệu quả bảo tồn trong các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác

1. **“Bảo tồn là mục tiêu chính”** - chỉ những khu vực có thể đáp ứng tất cả các yếu tố trong định nghĩa của IUCN về khu bảo vệ, nhưng không được chỉ định chính thức là khu bảo vệ vì cơ quan quản trị không muốn khu vực này được công nhận hoặc báo cáo là khu bảo vệ. Ví dụ, trong một số trường hợp, người dân bản địa và cộng đồng địa phương có thể không muốn các khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao mà họ quản trị được chỉ định là khu bảo vệ hoặc được đưa vào cơ sở dữ liệu khu bảo vệ của chính phủ. Giả sử một khu vực đáp ứng các tiêu chí của OECM, cơ quan quản trị có quyền đồng ý hoặc từ chối để khu vực đó được công nhận là OECM.
2. **“Bảo tồn là mục tiêu thứ cấp”** - đạt được thông qua việc quản lý tích cực một khu vực mà bảo tồn đa dạng sinh học là mục tiêu quản lý thứ cấp. Ví dụ, việc quản lý và các chính sách về bảo vệ lâu dài lưu vực có thể mang lại kết quả về bảo vệ hiệu quả đa dạng sinh học ở các lưu vực, mặc dù các khu vực này có thể được quản lý chủ yếu cho các mục tiêu khác ngoài bảo tồn. Các khu vực được quản lý để tạo nên tính liên tục về sinh thái giữa các khu bảo vệ hoặc giữa các khu vực có tính đa dạng sinh học cao khác, từ đó góp phần

hình thành khả năng tồn tại và phát triển của chúng, cũng có thể được coi là OECM.

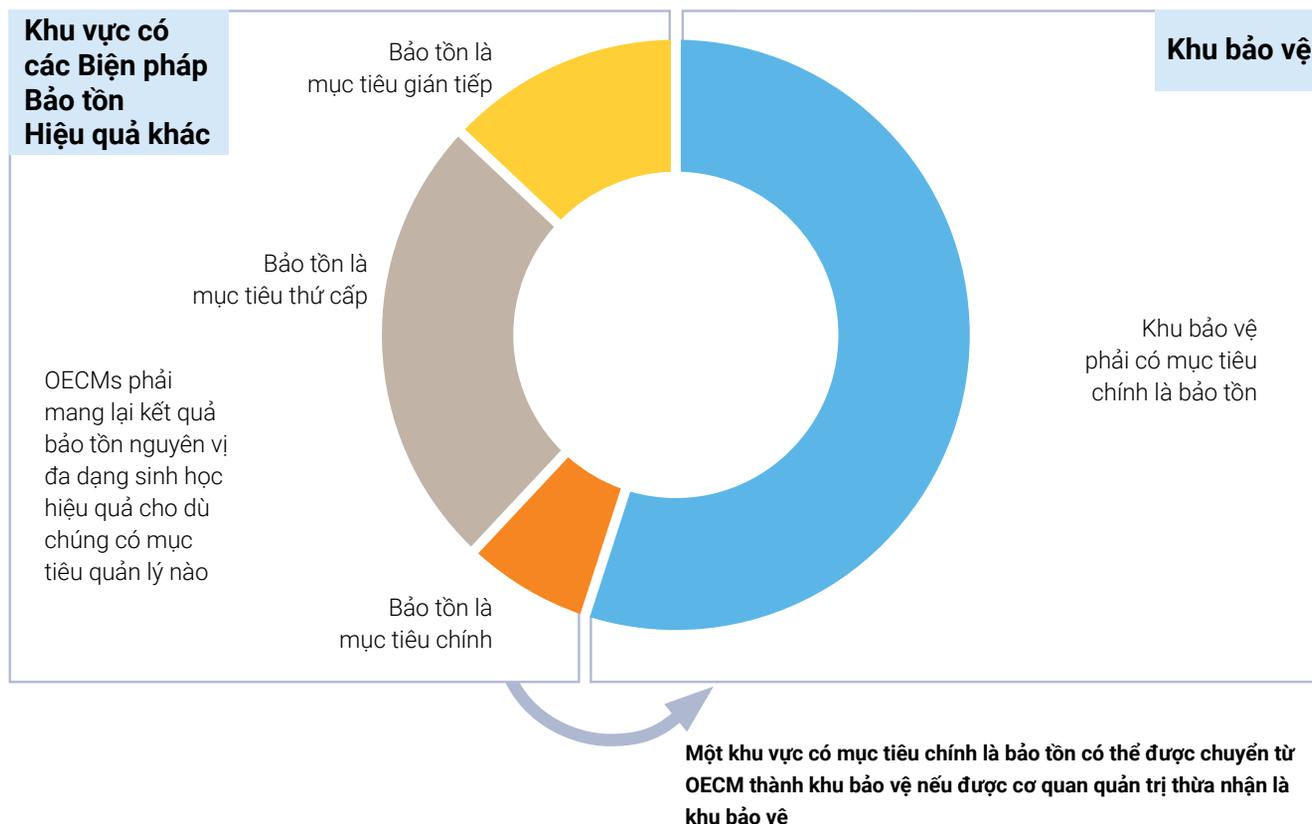
3. **“Bảo tồn là mục tiêu gián tiếp”** - chỉ các khu vực mà kết quả bảo tồn *nguyên vẹn* là hệ quả gián tiếp của các hoạt động quản lý, mặc dù bảo tồn đa dạng sinh học không phải là mục tiêu quản lý. Ví dụ, Scapa Flow ở quần đảo Orkney là nơi bảo vệ xác tàu đắm và mỏ mả chiến tranh. Việc bảo vệ này đã gián tiếp dẫn đến việc bảo tồn các giá trị đa dạng sinh học quan trọng (xem Hộp 3).

Các khu vực chưa được công nhận và chưa được báo cáo nhưng đáp ứng được định nghĩa về khu bảo vệ

IUCN khuyến nghị rằng các khu vực đáp ứng tất cả các tiêu chí trong định nghĩa của IUCN về khu bảo vệ và cũng được cơ quan quản trị công nhận nên được coi là khu bảo vệ chứ không phải là OECMs (xem Hình 1 và Mục 4). Ví dụ, một số khu bảo vệ tư nhân không được các chính phủ báo cáo là khu bảo vệ, mặc dù chúng có thể đáp ứng các tiêu chí của IUCN.

Các khu vực tự nhiên nguyên vẹn khác

Tất cả các trường hợp trên phải được phân biệt với các khu vực tự nhiên còn nguyên vẹn khác, tuy không nằm dưới bất kỳ hình thức quản lý bảo tồn có chủ ý nào nhưng vẫn có đa dạng sinh học nguyên vẹn, ví dụ do chúng ở những vùng xa xôi hoặc do các tình huống xung đột. Những khu vực này không được coi là OECMs hay khu bảo vệ vì chúng ít có khả năng được đảm bảo lâu dài nếu điều kiện thay đổi hoặc nếu chúng được mở ra cho các hoạt động gây hại đến môi trường.



Hình 1. Mối quan hệ giữa OECMs và khu bảo vệ

(Lưu ý: kích thước của các phân mảnh chỉ mang tính minh họa chứ không dựa trên dữ liệu thực tế)

Có một số lý do khiến một số khu vực mang lại kết quả bảo tồn *nguyên vị* quan trọng có thể không được công nhận và báo cáo là khu bảo vệ (Borrini-Feyerabend và Hill, 2015) mặc dù các khu vực đó có thể được công nhận là OECMs thông qua các quy trình đồng thuận phù hợp - xem Hộp 1. Mặc dù cả các khu bảo vệ và OECMs đều góp phần đạt được Mục tiêu Aichi 11, nhưng chúng có một số điểm khác biệt quan trọng khác.

Mối quan hệ giữa các OECM và các khu bảo vệ được minh họa trong Hình 1 ở trên.

2.2. Các cấu phần của định nghĩa

Các phần sau đây chi tiết hóa từng cấu phần của định nghĩa chung về “Khu vực có các Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác”:

Một khu vực được xác định về mặt địa lý mà không phải là khu bảo vệ, được quản trị và quản lý theo những phương thức nhằm đạt được kết quả tích cực và bền vững lâu dài về bảo tồn nguyên vị đa dạng sinh học với các chức năng và dịch vụ hệ sinh thái liên quan và trong trường hợp phù hợp, bảo tồn cả các giá trị văn hóa, tinh thần, kinh tế xã hội, và các giá trị có liên quan khác tại địa phương.

Các cấu phần được trình bày theo 4 tiêu chí như được định nghĩa theo Quyết định 14/8.

Tiêu chí A: Khu vực hiện chưa được công nhận là khu bảo vệ

a. “Không phải là khu bảo vệ”

Bản thân OECMs có thể đóng góp cho các mục tiêu bảo tồn theo các khu vực trên cạn, thủy vực nước ngọt và biển. Điều này có nghĩa là các khu vực đã được chỉ định là khu bảo vệ hoặc nằm trong khu bảo vệ không được đồng thời công nhận hoặc báo cáo là OECMs. Mặc dù các khu bảo vệ không được coi là OECMs và ngược lại, cả khu bảo vệ và OECMs đều có giá trị bảo tồn đa dạng sinh học. Một số OECM có thể được công nhận là khu bảo vệ nếu, chẳng hạn như, bảo tồn thiên nhiên trở thành mục tiêu quản lý chính hoặc khi khu vực đó đã đáp ứng định nghĩa về khu bảo vệ và được cơ quan quản trị đề nghị công nhận.

Tiêu chí B: Khu vực được quản trị và quản lý

b. “khu vực được xác định rõ ràng về mặt không gian địa lý”

Khu vực được xác định về mặt địa lý ngụ ý một khu vực được phân định về mặt không gian với các ranh giới đã được thống nhất và phân định, có thể bao gồm vùng đất liền, thủy vực nội địa, biển và vùng ven biển hoặc bất kỳ cảnh quan kết hợp nào của những khu vực này. Trong những trường hợp ngoại lệ, ranh giới có thể được xác định bởi các đặc điểm vật lý thay đổi theo thời gian, chẳng hạn như bờ sông, mực nước cao hoặc phạm vi mở rộng của băng trên biển - xem Hộp 2.

Hộp 2

Phân tích cụ thể hơn về không gian địa lý

Không gian địa lý có ba chiều; điều này đòi hỏi bất kỳ chế độ quản trị hoặc quản lý nào đối với không gian hai chiều cũng phải tính đến chiều thứ ba (chiều thẳng đứng) để có thể bảo tồn *nguyên vị* một cách hiệu quả đa dạng sinh học của khu vực. Việc chỉ định các khu bảo vệ hoặc OECMs thường sẽ có giới hạn ở chiều thứ ba (ví dụ: chỉ áp dụng cho một độ sâu nhất định dưới lòng đất hoặc dưới mặt nước hoặc có giới hạn độ cao để cho phép máy bay thương mại đi qua). Điều này trở nên đặc biệt gây tranh cãi đối với trường hợp các khu bảo tồn biển, nơi mà việc phân vùng theo phương thẳng đứng cho mục đích thương mại làm suy giảm kết quả bảo tồn, phá vỡ tính liên tục về sinh thái và tạo ra những thách thức về giám sát và thực thi. Đối với cả khu bảo vệ và OECMs, độ cao và chiều sâu cần phù hợp với công tác quản lý bảo tồn hiệu quả để bảo vệ toàn bộ đa dạng sinh học bản địa. Do đó, IUCN có giả định vững chắc phản đối việc phân vùng theo phương thẳng đứng của các OECM.

Mặc dù phạm vi của các OECM có thể khác nhau, nhưng chúng phải đủ lớn để đạt được mục tiêu bảo tồn *nguyên vị* đa dạng sinh học lâu dài, bao gồm tất cả các hệ sinh thái, sinh cảnh và quần xã loài bởi nhờ chúng khu vực này trở nên có ý nghĩa quan trọng. “Kích thước vừa đủ” phụ thuộc nhiều vào bối cảnh và các yêu cầu sinh thái cho sự tồn tại lâu dài của các loài và hệ sinh thái có liên quan.

c. “được quản trị”

Được quản trị có hàm ý rằng khu vực này thuộc thẩm quyền của một thực thể cụ thể hoặc sự kết hợp được nhất trí của các thực thể. Các OECM có thể được quản trị bởi cùng một loạt các loại hình quản trị như đối với các khu bảo vệ, cụ thể là:

1. Quản trị bởi chính phủ (ở các cấp khác nhau);
2. Quản trị bởi các cá nhân, tổ chức hoặc công ty tư nhân;
3. Quản trị bởi người dân bản địa và/hoặc cộng đồng địa phương; và
4. Đồng quản trị (nghĩa là được quản trị đồng thời bởi các cơ quan có thẩm quyền và các bên liên quan) (Dudley, 2008; Borrini Feyerabend và cộng sự, 2013).

Cũng như đối với các khu bảo vệ, việc quản trị các OECM phải công bằng và phản ánh các nguyên tắc nhân quyền được công nhận trong các văn kiện nhân quyền quốc tế và khu vực cũng như trong luật pháp quốc gia, bao gồm cả các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới và người dân bản địa. Các cơ chế quản trị phải hiệu quả trong việc duy trì đa dạng sinh học. Bất kỳ sự công nhận hoặc báo cáo nào về OECMs do người dân bản địa và/hoặc cộng đồng địa phương quản trị phải do họ tự xác định và cần có sự đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, thông tin trước và được thông tin đầy đủ của (các) thực thể quản trị truyền thống đó (Liên Hợp Quốc, 2007).

d. “được quản lý”

Được quản lý xác định rằng một khu vực đang được quản lý để đạt được kết quả bảo tồn đa dạng sinh học tích cực và

bền vững lâu dài. Các cơ quan có liên quan, có thẩm quyền và các bên liên quan cần được xác định và tham gia vào công tác quản lý.

Không giống như các khu bảo vệ, các OECM không yêu cầu mục tiêu chính là bảo tồn, nhưng phải có mối liên hệ nhân quả trực tiếp giữa mục tiêu tổng thể và hoạt động quản lý của khu vực với bảo tồn *nguyên vị* đa dạng sinh học trong dài hạn. “Được quản lý” có thể là một quyết định có chủ ý về việc bảo vệ nguyên trạng một khu vực - xem ví dụ về di tích xác tàu đắm được giải thích trong Hộp 3.

Việc quản lý các OECM cần nhất quán với cách tiếp cận hệ sinh thái, với khả năng thích ứng để đạt được kết quả bảo tồn đa dạng sinh học dài hạn mong muốn và để quản lý các mối đe dọa mới phát sinh (<https://www.cbd.int/ecosystem/>). Theo đó, việc quản lý các OECM nên bao gồm “các phương thức hiệu quả” để kiểm soát các hoạt động có thể tác động đến đa dạng sinh học, thông qua các công cụ pháp luật hoặc các biện pháp hiệu quả khác (chẳng hạn như tập quán hoặc các thỏa thuận ràng buộc với chủ đất). Nếu có thể và phù hợp, công tác quản lý nên được tích hợp giữa các OECM với nhau và với các khu vực xung quanh.

Một khu vực không có chế độ quản lý không phải là OECM, mặc dù đa dạng sinh học của nó có thể vẫn còn nguyên vẹn. Ví dụ, các khu vực không được quản lý ở vùng biển khơi, các khu vực đang có xung đột quân sự và các khu vực khác đang ở trạng thái tự nhiên hoặc gần như tự nhiên không nên được coi là OECMs nếu không có cơ chế quản lý để bảo tồn *nguyên vị* đa dạng sinh học hiệu quả và lâu dài. Chế độ quản lý có thể bao gồm các quyết định có chủ ý để bảo vệ nguyên trạng khu vực này.

Tiêu chí C: Đóng góp lâu dài và hiệu quả cho bảo tồn nguyên vị đa dạng sinh học**e. “kết quả tích cực” đối với bảo tồn đa dạng sinh học (được gọi là “hiệu quả” theo tiêu chí của quyết định 14/8 của CBD)**

OECMs phải có **hiệu quả** trong việc mang lại kết quả tích cực và bền vững cho việc bảo tồn *nguyên vị* đa dạng sinh học. Cụ thể, cần có sự liên hệ rõ ràng giữa kết quả quản lý và đa dạng sinh học, với các cơ chế có sẵn để giải quyết các mối đe dọa hiện hữu hoặc dự kiến (xem Mathur et al., 2017 về hướng dẫn xác định và quản lý các mối đe dọa).

Các hoạt động công nghiệp và phát triển cơ sở hạ tầng gây hại cho môi trường không nên được thực hiện trong các khu vực OECM. Điều này phù hợp với Khuyến nghị 102 của IUCN (WCC-2016- Rec-102-EN), được thông qua tại Hội nghị Bảo tồn Thế giới 2016 ở Hawaii. Khuyến nghị này kêu gọi các chính phủ và các cơ quan có liên quan “áp dụng và thực hiện các chính sách hạn chế các hoạt động công nghiệp và phát triển cơ sở hạ tầng gây hại cho môi trường có thể tác động tiêu cực đến bất kỳ khu vực nào có tầm quan trọng đặc biệt đối với đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái mà chính phủ xác định là cần thiết để đạt được Mục tiêu đa dạng sinh học Aichi”. Các hoạt động công nghiệp gây tổn hại đến môi trường bao gồm, chẳng hạn như, lâm nghiệp và khai thác

Hộp 3

Di tích xác tàu đắm lịch sử, ví dụ như Scapa Flow - minh họa về mục tiêu bảo tồn gián tiếp

Việc bảo vệ nghiêm ngặt các di tích xác tàu đắm lịch sử vì lý do văn hóa và lịch sử là một điều thường thấy ở nhiều bồn trũng đại dương trên thế giới. Mục tiêu này cũng đồng thời đem lại sự bảo vệ sinh cảnh, loài và hệ sinh thái biển có liên quan. Có rất nhiều ví dụ ở vùng Caribe và Thái Bình Dương, là kết quả của các cuộc xung đột qua các thời kỳ lịch sử. Scapa Flow ở Vương quốc Anh có thể là ví dụ nổi tiếng nhất về một khu vực đạt được kết quả “bảo tồn gián tiếp” như vậy.

Scapa Flow là một bến cảng tự nhiên ngoài khơi Orkney ở phía Bắc Scotland. Khu vực này thuộc thẩm quyền quản lý của Cơ quan Quản lý Cảng Quần đảo Orkney với mục tiêu là quản lý an toàn bến cảng đồng thời bảo tồn di sản văn hóa tại khu vực. Khu vực này được biết đến với xác tàu chiến của Đức bị đánh đắm tại Cảng trong Thế chiến thứ nhất và của xác thiết giáp hạm Royal Oak của Hải quân Hoàng gia, bị đánh chìm bởi tàu ngầm U-Boat của Đức trong Thế chiến thứ hai và được ghi nhận là khu vực mờ mả chiến tranh.

Scapa Flow có diện tích 324,5 km² và chứa khoảng 1 tỷ mét khối nước. Việc bảo vệ nghiêm ngặt các xác tàu đắm lịch sử cũng đồng thời đem lại sự bảo vệ cao cho hệ sinh thái đáy biển, minh chứng bằng sự phát triển mạnh của các thảm tảo biển, các bãi sò lửa, rạn trai ngựa và trai rẻ quạt rất khó được tìm thấy ở những nơi khác ở Scotland. Mặc dù khu vực này không được quản lý với mục tiêu cụ thể là bảo tồn thiên nhiên, nhưng đã gián tiếp đem lại kết quả về bảo tồn đa dạng sinh học. Vào tháng 2 năm 2019, Bộ trưởng thứ nhất của Scotland, Nicola Sturgeon, đã tuyên bố một cuộc tham vấn về hai KBTB “lịch sử” mới ở Scotland, một trong số đó là Scapa Flow. Nếu được thông qua, điều này sẽ minh chứng cho mối quan hệ chặt chẽ giữa các OECM và các khu bảo vệ.

thủy sản công nghiệp, khai thác mỏ, khai thác dầu khí, sản xuất nông nghiệp công nghiệp và các hoạt động phát triển cơ sở hạ tầng gây hại cho môi trường, chẳng hạn như xây dựng đập, đường xá và đường ống. Những mối đe dọa này nên được ngăn chặn. Khuyến nghị này được áp dụng cho các hoạt động gây hại cho môi trường diễn ra bên trong OECMs và cả những hoạt động bên ngoài khu vực nhưng tác động đến OECMs.

f. “bền vững lâu dài”

Việc quản trị và quản lý các OECM được kỳ vọng sẽ mang tính bền vững và đem lại hiệu quả lâu dài về bảo tồn *nguyên vị* đa dạng sinh học. Các chiến lược quản lý ngắn hạn hoặc tạm thời không được coi là OECM. Ví dụ, việc cấm khai thác thủy sản thương mại có thời hạn cho đến khi một khu vực bị đánh bắt quá mức được phục hồi không được coi là OECM. Theo hướng dẫn của IUCN, các yếu tố quản trị và quản lý một OECM cần được thực hiện liên tục và lâu dài.

Kết quả bảo tồn hiệu quả có thể đạt được từ việc bảo vệ nghiêm ngặt hoặc một số hình thức quản lý bền vững nhất quán với các định nghĩa của CBD về “bảo tồn *nguyên vị*” và “đa dạng sinh học”. Tuy nhiên, hầu hết các khu vực được quản lý cho mục tiêu sản xuất công nghiệp, ngay cả khi chúng có một số lợi ích về đa dạng sinh học, cũng không nên được coi là OECMs. Ví dụ, quản lý bền vững thủy sản thương mại và lâm nghiệp thương mại nên được báo cáo theo các Mục tiêu Aichi 6 và 7 hoặc các mục tiêu thích hợp khác.

Mặt khác, các địa điểm được quản lý bởi nhiều phương pháp tiếp cận khác nhau, bao gồm quản lý theo mùa (ví dụ: các khu vực được quản lý cho các loài chim di cư) có thể đủ điều kiện là OECMs nếu các biện pháp quản lý theo mùa là một phần của chế độ quản lý tổng thể dài hạn dẫn đến kết quả bảo tồn *nguyên vị* quanh năm các giá trị đa dạng sinh học, từ đó tạo nên tính quan trọng của khu vực. Trong một số trường hợp, các công cụ quản lý ngắn hạn, được lặp lại liên tục, có thể tạo thành các biện pháp dài hạn trên thực tế.

Việc quản lý các OECM phải phù hợp với cách tiếp cận hệ sinh thái và mang tính phòng ngừa, với khả năng thích ứng để duy trì kết quả bảo tồn đa dạng sinh học trong dài hạn và giải quyết các mối đe dọa tiềm ẩn mới. Cần có các bước khả thi để theo dõi và báo cáo về hiệu quả của OECMs (xem Phần 4).

g. “bảo tồn nguyên vị đa dạng sinh học”

CBD định nghĩa **bảo tồn nguyên vị** đa dạng sinh học như sau:

Việc bảo tồn các hệ sinh thái và sinh cảnh tự nhiên, duy trì và phục hồi các quần thể loài có khả năng tồn tại và phát triển trong môi trường tự nhiên của chúng và, trong trường hợp các loài được thuần hóa hoặc nuôi trồng, trong môi trường nơi chúng đã hình thành nên các đặc tính đặc biệt của mình. (CBD Điều 2).

Khu vực có các Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác sẽ mang lại kết quả bảo tồn đa dạng sinh học có ý nghĩa tương đương và bổ sung cho kết quả bảo tồn của các khu bảo vệ. Điều này bao gồm sự đóng góp của các biện pháp này vào tính đại diện sinh thái, độ che phủ của các khu vực có tầm quan trọng đối với đa dạng sinh học và các chức năng và dịch vụ hệ sinh thái liên quan, sự kết nối và tích hợp với các cảnh quan rộng lớn hơn trên đất liền và trên biển, cũng như các yêu cầu về hiệu quả quản lý và tính công bằng.

Các OECM được kỳ vọng sẽ **đem lại kết quả bảo tồn thiên nhiên nói chung**, chứ không chỉ đối với các thành phần đa dạng sinh học được lựa chọn. Các định nghĩa của CBD về “đa dạng sinh học” và “bảo tồn *nguyên vị*” thừa nhận rõ ràng rằng một loài nào đó chỉ có thể tồn tại *nguyên vị* như một phần của lưới liên kết với các loài khác và với môi trường phi sinh học. Do đó, các biện pháp bảo tồn nhắm vào các loài đơn lẻ hoặc các hợp phần của đa dạng sinh học không nên bỏ qua mục tiêu bảo tồn rộng hơn đối với hệ sinh thái. Nhận thức được mối liên hệ giữa đa dạng sinh học và địa chất, “đa dạng địa chất” cũng có thể là một trọng tâm quản lý quan trọng của các OECM (Zarnetske và cộng sự, 2019).

Hộp 4

Phân tích kỹ hơn về đa dạng sinh học

OECMs nên bảo vệ hiệu quả một hoặc nhiều yếu tố của đa dạng sinh học bản địa sau đây:

- Các loài và sinh cảnh quý hiếm, bị đe dọa hoặc có nguy cơ tuyệt chủng và các hệ sinh thái nâng đỡ chúng, bao gồm các loài và địa điểm được xác định trong Danh sách đỏ các loài bị đe dọa của IUCN, Danh sách đỏ các hệ sinh thái hoặc các văn bản tương đương cấp quốc gia.
- Các hệ sinh thái tự nhiên tiêu biểu.
- Các khu vực có tính liên tục hoặc toàn vẹn sinh thái cao, đặc trưng bởi sự tồn tại đầy đủ các loài bản địa và hỗ trợ các quá trình sinh thái. Những khu vực này sẽ còn nguyên vẹn hoặc đang được khôi phục bằng chế độ quản lý đề xuất.
- Các loài và hệ sinh thái phân bố giới hạn trong các khu vực tự nhiên.
- Các quần tụ loài quan trọng, bao gồm cả các quần tụ loài trong quá trình di cư hoặc sinh sản.
- Các hệ sinh thái đặc biệt quan trọng đối với các giai đoạn sống của loài bao gồm ăn uống, nghỉ ngơi, lột xác và sinh sản.
- Các khu vực có tầm quan trọng đối với tính liên tục sinh thái hoặc trong việc kết nối mạng lưới bảo tồn trong một cảnh quan trên đất liền hoặc trên biển.

- Các khu vực cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái quan trọng, chẳng hạn như nước sạch và lưu trữ carbon, bên cạnh việc bảo tồn *nguyên vị* đa dạng sinh học.
- Các loài và sinh cảnh có vai trò quan trọng đối với mục đích sử dụng truyền thống của con người, chẳng hạn như cây thuốc bản địa, bên cạnh việc bảo tồn *nguyên vị* đa dạng sinh học.

Trong bối cảnh này, một trang trại được quản lý theo phương thức thâm canh với một tỷ lệ nhỏ các loài thực vật và chim bản địa có thể sẽ không phải là một OECM. Ngược lại, một khu vực đồng cỏ bản địa, được chiếm ưu thế bởi các loài thực vật bản địa và có quần thể khỏe mạnh các loài chim và động vật có vú bản địa, có thể là một OECM nếu chế độ quản trị và quản lý ít mang tính thâm canh đem lại những kết quả bảo tồn trong dài hạn. Cũng tương tự như đối với các khu bảo vệ, có thể có những trường hợp OECM có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ một loài bị đe dọa cụ thể nào đó thông qua việc bảo vệ toàn bộ hệ sinh thái.

Do biến đổi khí hậu đã làm thay đổi các hệ sinh thái nên sự nhận thức về việc thế nào là tự nhiên và hiệu quả ở một địa điểm cụ thể cũng có thể thay đổi. Các OECM cần được xác định và quản lý có tính đến việc thích ứng với biến đổi khí hậu (Gross và cộng sự, 2016).

h. “Đa dạng sinh học”

Với mối liên hệ rõ ràng giữa các OECM và kết quả bảo tồn đa dạng sinh học, hiển nhiên các OECM phải đạt được kết quả bảo tồn *nguyên vị* đa dạng sinh học hiệu quả và bền vững. Mặc dù phương pháp xác định các yếu tố đa dạng sinh học quan trọng của các khu vực này có sự khác nhau tùy theo hoàn cảnh quốc gia, khu vực và địa phương nhưng đã có hướng dẫn toàn cầu để xác định các Vùng Đa dạng Sinh học Trọng yếu (IUCN, 2016) và để mô tả các khu vực như Khu Ramsar và các Khu vực Biển có Ý nghĩa Sinh thái và Sinh học (Dunstan, 2016). Đa dạng sinh học được bảo tồn bởi OECMs có thể được thực hiện ở các khu vực trong và ngoài phạm vi quyền tài phán quốc gia.

Việc công nhận một OECM nên bao gồm việc xác định các thuộc tính đa dạng sinh học làm cho địa điểm đó được coi là quan trọng và dựa trên kiến thức tốt nhất sẵn có - xem Hộp 4. Các giá trị đa dạng sinh học quan trọng này, cũng như các giá trị bảo tồn rộng hơn của các OECM, nên được mô tả và theo dõi theo thời gian.

Tiêu chí D: Các chức năng và dịch vụ hệ sinh thái liên quan và các giá trị văn hóa, tinh thần, kinh tế xã hội và các giá trị khác có liên quan tại địa phương

i. “chức năng và dịch vụ của hệ sinh thái”

Các hệ sinh thái khỏe mạnh và hoạt động tốt sẽ cung cấp một loạt các dịch vụ hệ sinh thái. Các **chức năng của hệ sinh**

thái là một phần không thể thiếu của đa dạng sinh học và được định nghĩa là các quá trình sinh học, địa hóa và vật lý xảy ra hoặc xuất hiện trong một hệ sinh thái. **Các dịch vụ hệ sinh thái** bao gồm các dịch vụ cung cấp như thực phẩm và nước; các dịch vụ như kiểm soát lũ lụt, hạn hán, suy thoái đất và bệnh tật; và các dịch vụ hỗ trợ như cải tạo đất và tuần hoàn dinh dưỡng. Việc bảo vệ các chức năng và dịch vụ hệ sinh thái này có thể là lý do phổ biến của việc công nhận các OECM. Tuy nhiên, việc quản lý để tăng cường một dịch vụ hệ sinh thái không được tác động tiêu cực đến các giá trị bảo tồn đa dạng sinh học tổng thể của khu vực.

j. “các giá trị văn hóa, tinh thần, kinh tế xã hội và các giá trị khác có liên quan tại địa phương”

OECMs bao gồm các khu vực mà kết quả bảo vệ loài và sinh cảnh quan trọng cũng như quản lý đa dạng sinh học là một phần của *các giá trị và hoạt động văn hóa, tinh thần, kinh tế xã hội và các giá trị và hoạt động khác có liên quan tại địa phương*. Trong những trường hợp này, điều cốt yếu là phải đảm bảo việc công nhận và bảo vệ các mối liên kết giữa đa dạng sinh học và văn hóa cũng như các hoạt động quản trị và quản lý có liên quan đem lại kết quả bảo tồn đa dạng sinh học tích cực, chẳng hạn như những tập quán sử dụng bền vững đa dạng sinh học (Điều 10(c) của CBD). Ngược lại, việc quản lý các giá trị văn hóa, kinh tế xã hội tinh thần hoặc các giá trị liên quan khác tại địa phương trong một OECM không được gây tác động tiêu cực đến các giá trị bảo tồn đa dạng sinh học.

3. Xác định các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác trong thực tế

Bảo tồn *nguyên vị* đa dạng sinh học là “nền tảng” để ngăn chặn mất đa dạng sinh học (CBD, 1992). Các khu bảo vệ và OECM là biện pháp chủ yếu để đạt được mục tiêu bảo tồn *nguyên vị* theo Mục tiêu Aichi 11 và sẽ vẫn là những nội dung đặc trưng của các mục tiêu CBD sau năm 2020. Tất cả các nỗ lực để bảo tồn đa dạng sinh học đều có giá trị, nhưng chỉ những biện pháp bảo tồn theo khu vực góp phần trực tiếp vào hoạt động bảo tồn *nguyên vị* lâu dài mới được xem xét để báo cáo về các mục tiêu bảo tồn *nguyên vị* của Mục tiêu Aichi 11. Các nỗ lực bảo tồn khác, bao gồm cách tiếp cận sử dụng bền vững khu vực, sẽ được báo cáo phù hợp hơn ở các mục tiêu khác, chẳng hạn như Mục tiêu Aichi 6 (thủy sản bền vững) và 7 (lâm nghiệp và nông nghiệp bền vững) hoặc các mục tiêu tương tự sau năm 2020 (ví dụ, xem Laffoley et al., 2017 hoặc **Phụ lục I**). Việc xác định và báo cáo các OECM sẽ đóng góp vào bất kỳ mục tiêu CBD nào về bảo tồn *nguyên vị*, bao gồm Mục tiêu Aichi 11 và các mục tiêu về bảo tồn *nguyên vị* được thông qua hậu 2020.

Để hỗ trợ quá trình ra quyết định, WCPA đã phát triển một công cụ sàng lọc bốn bước đơn giản liên quan trực tiếp với định nghĩa và nội dung giải thích các thuật ngữ trong Phần 2. Bất kỳ khu vực nào được xem xét để công nhận là OECM trước tiên phải được sàng lọc về tính phù hợp đối với các tiêu chí bởi hoặc với sự đồng ý của cơ quan quản trị.

3.1. Công cụ sàng lọc

Công cụ sàng lọc (xem Hộp 6) áp dụng bốn bước kiểm tra để xác định xem một khu vực có đủ điều kiện trở thành ứng viên OECM hay không.

- **Bước kiểm tra 1.** Đảm bảo rằng khu vực chưa được công nhận và/hoặc được lập hồ sơ là khu bảo vệ.
- **Bước kiểm tra 2.** Đảm bảo rằng khu vực này có các đặc điểm cần thiết như định nghĩa về OECM.
- **Bước kiểm tra 3.** Đảm bảo rằng kết quả bảo tồn sẽ bền vững về lâu dài.
- **Bước kiểm tra 4.** Đảm bảo rằng mục tiêu bảo tồn *nguyên vị* theo khu vực (ví dụ: Mục tiêu Aichi 11) là trọng tâm để báo cáo chứ không phải là mục tiêu sử dụng bền vững.

Các yếu tố của mỗi bước kiểm tra được chi tiết hóa trong Phần 3.2. Một khu vực phải vượt qua tất cả bốn bước kiểm tra sàng lọc để có thể được coi là ứng viên OECM.

Hộp 5

Sử dụng công cụ sàng lọc - các điểm chính cần giải quyết

Có bảy điểm quan trọng cần xem xét và giải quyết khi áp dụng công cụ sàng lọc:

1. Trong trường hợp khi bên chủ trì quá trình sàng lọc không phải là cơ quan quản trị - kể cả đối với các OECM tiềm năng được quản trị bởi người bản địa và cộng đồng địa phương, những người cần được áp dụng nguyên tắc đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, thông báo trước và được thông tin đầy đủ - cần phải xác nhận sự quan tâm của cơ quan quản trị về việc đánh giá và có thể báo cáo khu vực này là một OECM.
2. Nghiên cứu kỹ và thảo luận các hướng dẫn và các tiêu chí sàng lọc và tổ chức một nhóm đánh giá bao gồm những người nắm vững các phương pháp tiếp cận khác nhau về bảo tồn khu vực ở quy mô phù hợp tại khu vực đó.
3. Trước khi áp dụng công cụ sàng lọc (mục 3.2), chuẩn bị một bộ bản đồ và thông tin toàn diện về các vị trí khả thi có thể đủ điều kiện là OECM sau khi so sánh chúng với bản đồ của các khu bảo vệ được đề xuất hoặc chỉ định để có thể hiểu được mối quan hệ giữa chúng.
4. Áp dụng từng bước kiểm tra sàng lọc đối với từng khu vực đang được xem xét đánh giá là OECM.
5. Xác định những khu vực đủ tư cách là ứng viên OECM sau khi đáp ứng được cả bốn bước kiểm tra và đánh giá chúng bằng công cụ đánh giá thực nghiệm và phù hợp với hoàn cảnh quốc gia (Phần 3.3).
6. Báo cáo các OECM đạt quá trình đánh giá với WDPA – xem phần 4.
7. Đối với những khu vực không đạt, ghi lại lý do ra quyết định không đạt đối với từng tiêu chí. Thông tin này có thể hữu ích trong việc xác định liệu có bất kỳ thay đổi nào trong việc quản trị hoặc quản lý có thể dẫn đến việc khu vực này trở nên đủ điều kiện là OECM hay không. Trong trường hợp cần thiết, lặp lại các bước từ 1 - 5 ở trên một cách thích hợp.

3.2. Áp dụng công cụ sàng lọc

Phần này đưa ra hướng dẫn về cách áp dụng công cụ sàng lọc. Tất cả các tham chiếu đến “các yếu tố” đều đề cập đến các định nghĩa các yếu tố này trong Phần 2.2.

Bước kiểm tra 1. Đảm bảo rằng khu vực chưa được công nhận và/hoặc được lập hồ sơ là khu bảo vệ

Khu vực này chưa được công nhận cũng như chưa được đề xuất là khu bảo vệ biển, nước ngọt hoặc trên cạn (xem cấu phần a).

Bước kiểm tra 2. Đảm bảo rằng khu vực này có các đặc điểm cần thiết theo định nghĩa về OECMs

- 1. Vị trí:** Khu vực phải được xác định về mặt không gian địa lý. Các biện pháp rộng hơn về bảo tồn loài và/hoặc môi trường không dựa trên khu vực sẽ không thỏa mãn bước này. Ví dụ: các quy định và lệnh cấm săn bắn phạm vi quốc gia hoặc vùng đối với một loài cụ thể, chẳng hạn như quy định bảo vệ cá voi hoặc cấm khai thác thủy sản tạm thời (xem cấu phần b) là các biện pháp bảo tồn một loài cụ thể ở phạm vi vùng chứ không phải bảo tồn *nguyên vị* theo khu vực.
- 2. Quản trị và quản lý bền vững:** Khu vực này được quản trị và quản lý, và việc này sẽ được thực hiện liên tục và duy trì trong thời gian dài. Cần có mối liên hệ nhân quả trực tiếp giữa: (i) quản trị tổng thể, (các) mục tiêu và hoạt động quản lý của khu vực với (ii) bảo tồn *nguyên vị* đa dạng sinh học trong dài hạn. Các khu vực không có bất kỳ một đơn vị quản trị hoặc hình thức quản lý nào thì không phải là OECMs (xem các cấu phần c, d và f). Theo đó, một khu vực hiện đang ở trạng thái tự nhiên hoặc gần tự nhiên không phải là một OECM.
- 3. Bảo tồn nguyên vị đa dạng sinh học hiệu quả:** Khu vực này mang lại kết quả bảo tồn *nguyên vị* đa dạng sinh học hiệu quả với các chức năng và dịch vụ hệ sinh thái đi kèm. Cần có một điều kiện rõ ràng rằng khu vực này đang bảo tồn hiệu quả đa dạng sinh học bản địa và các quá trình sinh thái hỗ trợ đa dạng sinh học. Điều này có thể đạt được thông qua nhiều loại hình quản trị và hoạt động quản lý, bao gồm cả những loại hình gắn liền với các giá trị văn hóa, tinh thần, kinh tế xã hội và các giá trị khác có liên quan tại địa phương. Các khu vực chỉ mang lại kết quả bảo tồn trong thời gian ngắn hoặc các khu vực được dự định hoặc có tiềm năng bảo tồn thiên nhiên nhưng chưa mang lại kết quả bảo tồn thì không đủ tiêu chuẩn là OECMs (xem các cấu phần e, g, h, i và j).
- 4.** Khu vực này không có các hoạt động gây hại cho môi trường và các mối đe dọa đối với đa dạng sinh học có thể được quản lý bởi các hệ thống quản trị và quản lý hiện có.

Bước kiểm tra 3. Đảm bảo rằng kết quả bảo tồn sẽ tồn tại lâu dài.

Điều này đề cập đến khả năng duy trì được kết quả bảo tồn trong thời gian dài thông qua các biện pháp pháp lý hoặc

giải pháp hiệu quả khác (chẳng hạn như luật tục/tập quán hoặc thỏa thuận chính thức với chủ đất, xem cấu phần e và f). Bước kiểm tra này nhấn mạnh sự khác biệt giữa các nỗ lực bảo tồn có thể dễ dàng bị đảo ngược với một OECM có thể duy trì các kết quả bảo tồn trong thời gian dài.

Bước kiểm tra 4. Đảm bảo rằng mục tiêu bảo tồn nguyên vị theo khu vực (ví dụ: Mục tiêu Aichi 11) là trọng tâm phù hợp để báo cáo chứ không phải là mục tiêu sử dụng bền vững

Bảo tồn *nguyên vị* đa dạng sinh học là một trong ba mục tiêu chính của CBD. Trong bối cảnh báo cáo với CBD theo Mục tiêu đa dạng sinh học Aichi năm 2020, các khu bảo vệ và OECMs là phương thức chính để đạt được bảo tồn *nguyên vị* và là trọng tâm chính của Mục tiêu Aichi 11. Như được trình bày chi tiết trong Hộp 6, các biện pháp theo khu vực khác cũng có thể được áp dụng để đạt được mục tiêu sử dụng bền vững các thành phần của đa dạng sinh học (ví dụ, trọng tâm của Mục tiêu Aichi 6 về thủy sản bền vững và Mục tiêu Aichi 7 về nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và lâm nghiệp bền vững). Tuy nhiên, điều quan trọng là không nhầm lẫn các biện pháp đó với các biện pháp bảo tồn *nguyên vị* liên quan đến Mục tiêu Aichi 11. Sau năm 2020, điều quan trọng là phải tiếp tục báo cáo kết quả các biện pháp bảo tồn *nguyên vị* (khu bảo vệ và OECMs) so với các mục tiêu phù hợp của chúng và báo cáo kết quả về sử dụng bền vững so với các mục tiêu phù hợp. Xem Phụ lục I về mối quan hệ giữa Mục tiêu 11 và các Mục tiêu liên quan khác và Phụ lục II để biết cây quyết định về việc chọn Mục tiêu Aichi phù hợp nhất cho một biện pháp bảo tồn nhất định.

Các khu vực vượt qua cả bốn bước kiểm tra có thể được coi là ứng viên OECMs.

3.3. Đánh giá

Các khu vực được coi là ứng viên OECMs sau đó sẽ được xem xét chi tiết hơn dựa trên các bằng chứng thực nghiệm, được thực hiện cho từng trường hợp cụ thể. Phương pháp Đánh giá OECM có thể tải xuống từ đường dẫn sau: <https://www.iucn.org/theme/protectedarea/wcpa/what-we-do/oecms>.

Chỉ những khu vực vượt qua được đánh giá này, cùng với sự đồng thuận và tham gia đầy đủ và hiệu quả của các cơ quan quản trị, mới được báo cáo cho WDPA (xem Phần 4 và Phụ lục III).

3.4. Ví dụ về các biện pháp bảo tồn theo khu vực hiệu quả tiềm năng khác

Các trường hợp sau đây có thể được coi là các OECM tiềm năng. Những ví dụ này bao gồm nhiều loại hình quản trị nhằm mục đích minh họa khả năng áp dụng của chúng. Một số ví dụ với phần trích dẫn được đánh dấu hoa thị (*) có trong Số đặc biệt của tạp chí PARKS về OECMs (IUCN/WCPA, 2018). <https://parksjournal.com/list-of-papers/>

Hộp 6

Đảm bảo rằng Mục tiêu Aichi 11 là trọng tâm phù hợp

Kế hoạch chiến lược về đa dạng sinh học 2011 - 2020 và 20 Mục tiêu đa dạng sinh học Aichi kêu gọi thực hiện một loạt các phương pháp tiếp cận để ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học, bao gồm nâng cao nhận thức về đa dạng sinh học, loại bỏ các hoạt động gây suy thoái, thực hiện các kế hoạch sản xuất bền vững, giảm tình trạng mất sinh cảnh, ngăn chặn tuyệt chủng loài, giảm áp lực trực tiếp lên đa dạng sinh học về mức bền vững, và bảo tồn *nguyên vị* đa dạng sinh học.

Các biện pháp bảo tồn khu vực có thể góp phần đạt được một số Mục tiêu Aichi, nhưng không phải tất cả các biện pháp khu vực đều đạt được mục tiêu của nó thông qua bảo tồn *nguyên vị* đa dạng sinh học phù hợp với tiêu chí của Mục tiêu 11.

Chẳng hạn như: nhiều trường hợp đóng cửa khai thác thủy sản áp dụng cho các khu vực địa lý cụ thể và do đó được coi là các biện pháp khu vực, nhưng chỉ cấm khai thác các loài cá thương mại cụ thể đang bị cạn kiệt, cấm việc sử dụng một số loại ngư cụ gây hại cho môi trường sống hoặc ngư cụ không chọn lọc, hoặc cấm khai thác tại những thời điểm nhất định trong năm khi các loài dễ bị tổn thương đang ở giai đoạn sống dễ bị tổn thương (ví dụ: đang quần hợp để sinh sản). Những khu vực này có thể tiếp tục cho phép tiến hành các hoạt động thủy sản và không thuộ thủy sản (ví dụ: thử nghiệm địa chấn, khoan dầu), miễn là các hoạt động đó không ảnh hưởng đến các mục tiêu thiết lập ra khu vực đó. Do đó, chúng có thể là công cụ hiệu quả giúp đảm bảo nghề cá được quản lý bền vững (mục tiêu của Mục tiêu Aichi 6), nhưng không đạt được mục tiêu bảo tồn *nguyên vị* đa dạng sinh học (mục tiêu của Mục tiêu Aichi 11).

Tương tự như vậy, các kế hoạch quản lý lâm nghiệp được áp dụng theo khu vực và có thể khác nhau về mức độ tác

động sinh thái của chúng. Các phương pháp tiếp cận gây ra tác động thấp có thể giữ lại nhiều loài, sinh cảnh và chức năng hệ sinh thái hơn so với các phương pháp tiếp cận gây ra tác động mạnh, và một số phương pháp tiếp cận có thể đạt được mục tiêu của CBD về "sử dụng bền vững" - nghĩa là sử dụng các thành phần của đa dạng sinh học theo cách thức và ở một mức độ nào đó mà không dẫn đến sự suy giảm lâu dài của đa dạng sinh học. Tuy nhiên, do tác động của việc khai thác làm thay đổi hệ sinh thái, chúng cũng có thể không đạt được mục tiêu bảo tồn *nguyên vị* đối với tất cả các thành phần đa dạng sinh học. Những biện pháp như vậy tốt nhất nên được coi là đóng góp cho Mục tiêu Aichi 7 trong đó kêu gọi các khu vực lâm nghiệp được quản lý bền vững vào năm 2020.

Ngưỡng phân biệt giữa biện pháp Mục tiêu 7 và Mục tiêu 11 có thể khó xác định trong các trường hợp sử dụng tài nguyên sinh học bằng phương pháp truyền thống trong môi trường tự nhiên của người dân bản địa và cộng đồng địa phương. Trong những trường hợp đó, việc xem xét các khu vực đó được bảo vệ tốt như thế nào khỏi các mối đe dọa đến lâm nghiệp hay phi lâm nghiệp trong thời gian dài có thể có tác dụng để quyết định xem khu vực đó có phải là OECM hay không.

Các Mục tiêu Aichi khác mà các biện pháp dựa trên khu vực có thể thường xuyên được áp dụng bao gồm Mục tiêu 10 (giảm thiểu mối đe dọa phức hợp do con người gây ra đối với các rạn san hô), Mục tiêu 12 (ngăn chặn sự tuyệt chủng và cải thiện tình trạng bảo tồn của các loài bị đe dọa), Mục tiêu 14 (khôi phục và bảo vệ các hệ sinh thái có vai trò cung cấp các dịch vụ thiết yếu) và Mục tiêu 15 (bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái). Khi các biện pháp đó đạt được mục tiêu của mình thông qua bảo tồn *nguyên vị* đa dạng sinh học lâu dài, chúng cũng có thể đóng góp cho Mục tiêu 11.

Bảo tồn là mục tiêu chính

Một khu vực có mục tiêu chính là bảo tồn và mang lại hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học nhưng không được báo cáo là khu bảo vệ có thể được công nhận là OECM nếu cơ quan quản trị mong muốn.

Ví dụ có thể bao gồm:

- Một số lãnh thổ hoặc khu vực (biển, nước ngọt hoặc trên cạn) do người dân bản địa, cộng đồng địa phương hoặc tổ chức tư nhân quản trị có mục tiêu chính và rõ ràng là bảo tồn và đem lại kết quả bảo tồn đa dạng sinh học *nguyên vị* nhưng cơ quan quản trị mong muốn các vùng lãnh thổ hoặc khu vực đó được công nhận và báo cáo là OECMs, chứ không phải là khu bảo vệ.
- Các khu bảo vệ tư nhân, được quản lý với mục tiêu cụ thể là bảo tồn nhưng không được công nhận là khu bảo vệ theo luật pháp quốc gia (Mitchell và cộng sự, 2018), ví dụ

như các khu phục hồi hệ sinh thái ở Indonesia (Utomo và Walsh, 2018*).

- Các khu vực bao gồm các Vùng Đa dạng sinh học Trọng yếu, được quản lý để mang lại kết quả bảo tồn đa dạng sinh học *nguyên vị* lâu dài thông qua, chẳng hạn như, các quy định hoặc các phương pháp tiếp cận hiệu quả khác.
- Một số khu rừng được quản lý riêng lâu dài, chẳng hạn như các khoảnh rừng già, rừng nguyên sinh hoặc rừng có giá trị đa dạng sinh học cao khác, được bảo vệ khỏi các mối đe dọa lâm nghiệp và phi lâm nghiệp.
- Một số khu vực tự nhiên do các trường đại học quản lý phục vụ mục đích nghiên cứu sinh học.

Bảo tồn là mục tiêu thứ cấp

Ví dụ có thể bao gồm:

- Các lãnh thổ và khu vực do người dân bản địa và/hoặc cộng đồng địa phương (ICCA, hoặc các bộ phận của các

khu vực này) quản lý để duy trì các hệ sinh thái tự nhiên hoặc gần tự nhiên, với việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên ở mức thấp trên cơ sở bền vững và theo phương thức không làm suy giảm đa dạng sinh học của khu vực. Những khu vực này bao gồm các vùng ven biển và trên biển, nơi các hoạt động khai thác và quản lý dựa vào cộng đồng địa phương đem lại kết quả bảo tồn trên thực tế với các quần thể cá, sinh cảnh và đa dạng sinh học biển liên quan khác, chẳng hạn như đối với trường hợp các Khu vực biển do địa phương quản lý (LMMA) (Jupiter et al., 2014).

- Các hệ thống quản lý truyền thống có mức độ gìn giữ đa dạng sinh học cao. Chúng có thể bao gồm các hệ thống quản lý rừng hoặc nông nghiệp để gìn giữ các loài bản địa và sinh cảnh của chúng (ví dụ: Eghenter, 2018; Mwamidi et al., 2018*).
- Các công viên thuộc khu vực đô thị hoặc thành phố được quản lý chủ yếu cho mục đích giải trí công cộng nhưng có phạm vi đủ lớn và đủ tự nhiên để đạt được hiệu quả bảo tồn *nguyên vị* đa dạng sinh học (ví dụ: đồng cỏ hoang, vùng đất ngập nước) và được quản lý để duy trì các giá trị đa dạng sinh học này (ví dụ: Gray et al., 2018).
- Các khu vực quân sự trên đất liền hoặc dưới nước hoặc một phần đất và vùng nước quân sự được quản lý với mục đích phòng thủ nhưng cũng có mục tiêu thứ cấp là bảo tồn đa dạng sinh học. Căn cứ Lực lượng quân sự Canada Shilo, nằm trong hệ sinh thái đồng cỏ hỗn hợp ở trung nam Manitoba (Canada), được Canada đề xuất là OECM vào năm 2019.
- Lưu vực sông hoặc các khu vực khác có mục tiêu chính là quản lý tài nguyên nước nhưng cũng mang lại kết quả bảo tồn *nguyên vị* đa dạng sinh học. Các khu vực này có thể bao gồm, chẳng hạn như, đồng cỏ ngập nước, rừng ven sông, rừng ven biển, vùng đất ngập nước, suối, lưu vực ở thượng lưu hoặc các khu vực khác được quản lý để ổn định đất và độ dốc lâu dài, giảm thiểu lũ lụt hoặc các dịch vụ hệ sinh thái khác (ví dụ: Matallana-Tobón et al., 2018*).
- Các khu vực đóng cửa nghề cá vĩnh viễn hoặc dài hạn được thiết kế để bảo vệ sự toàn vẹn của hệ sinh thái cho việc phục hồi trữ lượng, bảo vệ sự toàn vẹn của các hệ sinh thái đặc trưng hoặc bảo vệ các loài có nguy cơ bị đe dọa thông qua bảo tồn *nguyên vị* đa dạng sinh học và được chứng minh là có hiệu quả trong việc khắc phục các mối đe dọa phát sinh từ hoạt động thủy sản cũng như từ hoạt động ngoài thủy sản.
- Các vùng đất săn nhưng vẫn duy trì sinh cảnh tự nhiên và các hệ động thực vật cũng như các quần thể có khả năng tồn tại và phát triển của các loài bản địa bị săn bắt và không bị săn bắt.
- Các khu vực được phục hồi thành công từ các hệ sinh thái bị suy thoái hoặc bị đe dọa, để cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái quan trọng nhưng cũng góp phần bảo tồn đa dạng sinh học hiệu quả, ví dụ như các vùng đất ngập nước nước ngọt và ven biển được phục hồi để phòng chống lũ lụt.
- Các khu vực góp phần bảo tồn vì có vai trò trong việc kết nối các khu bảo vệ và các khu vực có tầm quan trọng đặc biệt khác đối với việc bảo tồn đa dạng sinh học, từ đó góp phần vào khả năng tồn tại lâu dài của các hệ sinh thái lớn hơn (ví dụ: Waitthaka & Warigia Njoroge, 2018*).

Bảo tồn là mục tiêu gián tiếp

Ví dụ bao gồm:

- Các địa điểm tự nhiên linh thiêng với giá trị đa dạng sinh học cao được bảo tồn lâu dài do mối quan hệ của chúng đối với một hoặc nhiều nhóm tín ngưỡng (ví dụ: Matallana-Tobón et al., 2018*).
- Các khu vực biển và ven biển được bảo vệ vì những lý do khác ngoài mục đích bảo tồn, nhưng vẫn đạt được mục đích bảo tồn đa dạng sinh học *nguyên vị*, ví dụ như điểm xác tàu đắm lịch sử, mỏ mả chiến tranh, v.v. (ví dụ, xem Hộp 3).
- Các khu vực quân sự trên đất liền hoặc dưới nước hoặc một phần đất và vùng nước quân sự được quản lý với mục đích phòng thủ không có mục tiêu thứ cấp là bảo tồn đa dạng sinh học nhưng đem lại hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học lâu dài.

3.5. Ví dụ về các khu vực khó có thể đáp ứng các tiêu chí

Các khu vực và chế độ quản lý sau đây có thể không đủ điều kiện là OECMs:

- Các khu vực nhỏ, bán tự nhiên trong một cảnh quan được quản lý theo hình thức thâm canh, có giá trị bảo tồn đa dạng sinh học hạn chế, chẳng hạn như công viên thành phố, vườn/vườn trong nhà, vườn ươm, bờ ruộng, bờ cỏ ven đường, hàng rào cây, hành lang bảo vệ của dòng chảy hoặc bờ biển hẹp, đai chắn lửa, bãi biển giải trí, bến du thuyền và sân gôn.
- Rừng được quản lý cho mục đích thương mại để cung cấp gỗ và nhằm khai thác gỗ, mặc dù chúng có thể có một số giá trị bảo tồn và hỗ trợ một số loài được quan tâm. Những khu vực như vậy nên được coi là góp phần cho Mục tiêu Aichi 7.
- Các khu vực đóng cửa nghề cá và các công cụ quản lý nghề cá theo không gian khác, bao gồm hạn ngạch khai thác thủy sản hoặc giới hạn khai thác, khu vực dành riêng tạm thời hoặc hạn chế ngư cụ đối với một loài, nhóm loài hoặc sinh cảnh chủ chốt. Những khu vực này có thể được khai thác định kỳ và/hoặc được xác định cho các mục đích quản lý trữ lượng và không mang lại kết quả bảo tồn *nguyên vị* các hệ sinh thái, sinh cảnh và các loài trong khu vực mà các loài mục tiêu phụ thuộc vào. Những khu vực như vậy nên được coi là đóng góp cho Mục tiêu Aichi 6.
- Đất nông nghiệp được quản lý theo phương thức làm hạn chế bảo tồn *nguyên vị* đa dạng sinh học. Những khu vực này có thể bao gồm, ví dụ, đồng cỏ được chăn thả quá dày đặc để hỗ trợ các loài hoặc hệ sinh thái đồng cỏ bản địa, hoặc đồng cỏ được trồng lại bằng các loài độc canh hoặc loài không bản địa cho mục đích chăn nuôi.
- Các khu vực nông nghiệp riêng tạm thời, khu vực bỏ hoang vào mùa hè và việc chuyển đổi hình thức canh tác nông nghiệp được trợ cấp có thể mang lại lợi ích cho đa dạng sinh học.
- Các biện pháp bảo tồn áp dụng cho một loài hoặc nhóm các loài, trên phạm vi địa lý rộng, chẳng hạn như quy định

3. Xác định các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác trong thực tế

về săn bắt hoặc quy định về bảo vệ cá voi; những biện pháp này tốt hơn nên được coi là một phần của các biện pháp bảo tồn loài (Mục tiêu 5, 6, 7 và/hoặc 12).

Các ví dụ trên không có nghĩa đã bao hàm toàn diện hoặc không có ngoại lệ, nhưng nhằm chỉ ra những loại hình khu vực nào có thể đủ điều kiện là OECMs và khu vực nào sẽ không đủ điều kiện. Khi xem xét bất kỳ một khu vực nào, các định nghĩa và tiêu chí được áp dụng trong quá trình kiểm tra sàng lọc bốn tiêu chí sẽ là lộ trình thích hợp để đảm bảo xác định nhất quán các ứng viên OECM. Do các trường hợp có thể là OECMs rất đa dạng, **tất cả các khu vực được xem xét đánh giá cần phải được sàng lọc cẩn thận để có thể đánh giá cho từng trường hợp cụ thể.** Khái niệm về OECMs nhìn chung sẽ được sử dụng để nhận diện các ví dụ hiện hữu về bảo tồn trên khu vực hiệu quả và các chế độ quản trị và quản lý hỗ trợ hoạt động bảo tồn đó. Tuy nhiên, khái niệm này cũng có thể được sử dụng để thúc đẩy các nỗ lực bảo tồn mới và bổ sung. Trong quá trình đàm phán Quyết định 14/8, các điều khoản về điều kiện như “có giá trị đa dạng sinh học quan trọng hoặc có mục tiêu để đạt được điều này” và “đạt được, hoặc dự kiến đạt được, kết quả tích cực và bền vững cho bảo tồn *nguyên vị* đa dạng sinh học” đã được thêm vào nội dung để hướng dẫn xác định các OECM. Các chính phủ đề xuất những điều khoản điều kiện này nhấn mạnh rằng chúng được thêm vào để giải quyết trường hợp tại các khu vực đang tiến hành quá trình phục hồi, nhằm thừa nhận những nỗ lực có chủ ý trong việc phục hồi hệ sinh thái. Mục đích phục hồi hệ sinh thái và sinh cảnh là đáng ghi nhận, **nhưng các khu vực phục hồi sinh thái không nên được công nhận là OECMs cho đến khi chúng mang lại kết quả bảo tồn đa dạng sinh học quan trọng và có thể chứng minh được** - xem Hộp 7.

3.6. Quyền và trách nhiệm của cơ quan quản trị

Có nhiều lý do khác nhau để cơ quan quản trị xem xét công nhận khu vực thuộc thẩm quyền quản trị của họ là một OECM. Các cơ quan quản trị có thể tiến hành xác định một khu vực có thể là một OECM và tự thực hiện việc đánh giá hoặc tìm kiếm sự hỗ trợ độc lập để đánh giá xem khu vực đó có đủ điều kiện là một OECM hay không thông qua việc sử dụng các hướng dẫn này. Họ có quyền phản đối việc đề cử hoặc công nhận trở thành OECM từ bên ngoài trong trường hợp không nhận được sự đồng thuận của họ. Điều này áp dụng cho cả bốn loại hình quản trị, như đã trình bày ở trên (xem cấu phần c). Khi một khu vực được công nhận là OECM, cơ quan quản trị có trách nhiệm cao hơn trong việc tiếp tục quản trị và quản lý khu vực đó để đạt được mục tiêu bảo tồn *nguyên vị* đa dạng sinh học.

3.7. Hỗ trợ các OECMs

Việc công nhận các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác cần được hỗ trợ bởi các biện pháp nâng cao năng lực quản trị của các đơn vị hợp pháp của khu vực đó nhằm đảm bảo kết quả tích cực và bền vững về bảo tồn đa dạng sinh học của khu vực. Mặc dù bối cảnh ở mỗi quốc gia khác nhau, nhưng bất kỳ quy định pháp luật liên quan nào cũng cần hỗ trợ và công nhận mạnh mẽ hơn cho các hệ thống quản trị hiện hữu và không tìm cách thay thế hoặc thay đổi một cách không cần thiết những cơ chế hiệu quả ở cấp địa phương.

Hộp 7

Phục hồi sinh thái trong OECMs

Phục hồi sinh thái là quá trình quản lý hoặc hỗ trợ phục hồi hệ sinh thái đã bị suy thoái, tổn hại hoặc phá hủy như một biện pháp duy trì khả năng chống chịu của hệ sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học (CBD, 2016). Nó có khả năng trở thành một công cụ bảo tồn cần thiết và phổ biến hơn trong tương lai.

Các khu vực được đề xuất, hoặc đang có những nỗ lực tích cực để phục hồi sinh thái không nên được công nhận là OECMs cho đến khi chúng mang lại kết quả bảo tồn đa dạng sinh học quan trọng và có thể chứng minh được. Do đó, theo hướng dẫn của IUCN, các khu vực phục hồi sinh thái được đề xuất là OECMs phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

1. Việc phục hồi đang được thực hiện trong một hệ sinh thái có giá trị đa dạng sinh học cao (xem Hộp 4) để khu vực này, sau khi được phục hồi, sẽ đủ điều kiện trở thành OECMs bởi giá trị bảo tồn và đóng góp của nó vào việc củng cố mạng lưới các khu bảo vệ hiện có;
2. Bất kỳ nỗ lực phục hồi nào cũng phải (i) giảm thiểu các mối đe dọa gây ra suy thoái và tổn thất đa dạng sinh học, (ii) cho thấy sự phục hồi thành công của hệ sinh thái dựa trên các nguyên tắc phục hồi sinh thái và (iii) góp phần duy trì lâu dài một hệ sinh thái có khả năng chống chịu và tiến hóa; và
3. Thể hiện khả năng phục hồi sinh thái hoặc tái sinh tự nhiên hiệu quả theo các hình thức và mức độ mong muốn để phục hồi và duy trì tính toàn vẹn của hệ sinh thái và bổ sung lại đầy đủ các loài.

4. Giám sát và báo cáo về các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác

Giám sát sự hiệu quả của các OECM là cần thiết. Công việc này nên bao gồm: (i) thiết lập dữ liệu cơ sở và giám sát liên tục các giá trị đa dạng sinh học của khu vực; (ii) trong trường hợp thích hợp, giám sát thường xuyên dựa vào cộng đồng, lập bản đồ có sự tham gia và kết hợp kiến thức truyền thống; (iii) giám sát các hoạt động bảo tồn, bao gồm cả những hoạt động tập trung vào việc duy trì đa dạng sinh học và cải thiện bảo tồn *nguyên vị* và (iv) giám sát việc quản trị, sự tham gia của các bên liên quan và hệ thống quản lý đóng vai trò đóng góp cho kết quả bảo tồn đa dạng sinh học (Haase và cộng sự, 2018; Woodley và cộng sự, 2015).

Một yếu tố quan trọng trong định nghĩa là các OECMs nên được "quản trị và quản lý theo các phương thức để đạt được kết quả đa dạng sinh học tích cực và bền vững trong dài hạn". Điều này gắn với khái niệm về hiệu quả quản lý. Do đó, việc giám sát và báo cáo về hiệu quả của OECMs sẽ rất quan trọng để đảm bảo rằng các khu vực đó tiếp tục mang lại kết quả bảo tồn (Woodley và cộng sự, 2015). Đo lường Hiệu quả Quản lý Khu Bảo vệ (PAME) trong nhiều trường hợp sẽ là phương pháp hữu dụng để đo lường hiệu quả của OECMs, nhưng các công cụ PAME cần được hỗ trợ bổ sung bằng thông tin định lượng về kết quả bảo tồn đa dạng sinh học. Việc sử dụng Tiêu chuẩn Danh lục xanh của IUCN về các khu bảo vệ và bảo tồn sẽ hỗ trợ thêm cho việc tư liệu hóa đó (IUCN, 2017). Các cơ quan chịu trách nhiệm về OECMs cần đảm bảo việc thực hiện đầy đủ công tác giám sát hiệu quả quản lý mang lại kết quả bảo tồn lâu dài (xem Hockings et al., 2015). Thông tin này cũng nên được báo cáo cho UNEP-

WCMC để tích hợp vào Cơ sở dữ liệu toàn cầu về Hiệu quả Quản lý các Khu Bảo vệ (GD-PAME).

Khái niệm "Khu vực có các Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác" là sản phẩm của các quyết định của các Bên tham gia CBD. Khi thông qua định nghĩa về OECMs, CBD COP14 cũng khuyến khích các bên gửi dữ liệu về OECMs lên Cơ sở Dữ liệu Toàn cầu về các Khu Bảo vệ (WDPA) do UNEP-WCMC quản lý (CBD, 2018). Để thực hiện nghĩa vụ này, UNEP-WCMC đã thiết lập một cơ sở dữ liệu song song cho các OECM thuộc Sáng kiến Bảo vệ Hành tinh, để bổ sung cho WDPA. Sáng kiến Bảo vệ Hành tinh bao gồm một số cơ sở dữ liệu có thể được truy cập và tải xuống tại trang web, www.protectedplanet.net. UNEP-WCMC sử dụng dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu này để đo lường tiến độ đạt được các mục tiêu bảo tồn toàn cầu, chẳng hạn như Mục tiêu Aichi 11 về Đa dạng sinh học và các Mục tiêu Phát triển Bền vững 14 và 15.

Các biện pháp bảo tồn khu vực đủ điều kiện là khu bảo vệ hoặc OECMs phải được báo cáo tương ứng cho cơ sở dữ liệu WDPA hoặc OECM. Việc báo cáo như vậy phải được thực hiện với sự đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, thông báo trước và được thông tin đầy đủ trước của các cơ quan quản trị có liên quan.

Để biết thêm thông tin về các yêu cầu báo cáo cho cơ sở dữ liệu WDPA và OECM cũng như xác minh dữ liệu, xem Bảng 1 (bên dưới), **Phụ lục III** và hướng dẫn có sẵn từ www.wcmc.io/oecm_guidance.

Bảng 1. Các nguyên tắc cơ bản để xác minh dữ liệu đưa vào Cơ sở dữ liệu Bảo vệ Hành tinh

Dữ liệu được đệ trình bởi chính phủ	Căn cứ theo các nhiệm vụ chính thức của WDPA, dữ liệu do chính phủ đệ trình về các khu bảo vệ hoặc OECMs sẽ được coi là đã được xác minh bởi quốc gia đó và sẽ được đưa vào cơ sở dữ liệu WDPA và OECM sau khi dữ liệu được định dạng và kiểm soát chất lượng.
Dữ liệu được đệ trình bởi tổ chức phi chính phủ	Dữ liệu được đệ trình từ các tổ chức phi chính phủ sẽ trải qua quá trình xác minh trước khi được đưa vào cơ sở dữ liệu Bảo vệ Hành Tinh. Dữ liệu có thể được xác minh bởi tổ chức xác minh của quốc gia hoặc đơn vị chuyên gia xác minh. Nếu không bên nào có thể xác minh dữ liệu, thì dữ liệu đó sẽ không được đưa vào cơ sở dữ liệu Bảo vệ Hành Tinh.
Giải quyết bất đồng về dữ liệu	Khi có bất đồng giữa ý kiến của bên cung cấp dữ liệu và bên xác minh dữ liệu (ví dụ: bất đồng về ranh giới chính xác của một địa điểm), vấn đề này sẽ được thảo luận với cả hai bên nhằm cố gắng đạt được giải pháp hòa giải. Các bên cung cấp dữ liệu sẽ được biết về quy trình xác minh khi đệ trình dữ liệu và được thông báo về tiến trình của việc xác minh dữ liệu. Trong trường hợp không thể đạt được giải pháp hòa giải, dữ liệu không được đưa vào cơ sở dữ liệu Bảo vệ Hành tinh.
Tần suất rà soát dữ liệu	UNEP-WCMC đặt mục tiêu cập nhật tất cả dữ liệu ít nhất 5 năm một lần.

Câu hỏi liên quan đến báo cáo, vui lòng liên hệ: protectedareas@unep-wcmc.org.

Tài liệu tham khảo

- Borrini-Feyerabend, G., Dudley, N., Jaeger, T., Lassen, B., Pathak Broome, N., Phillips, A. and Sandwith, T. (2013). *Governance of Protected Areas: From understanding to action*. Best Practice Protected Area Guidelines Series No. 20. Gland, Switzerland: IUCN.
- Borrini-Feyerabend, G. and Hill, R. (2015). 'Governance for the conservation of nature', in Worboys, G. L., Lockwood, M., Kothari, A., Feary, S. and Pulsford, I. (eds) *Protected Area Governance and Management*, pp. 169–206. ANU Press: Canberra.
- Canada Department of Fisheries and Oceans (2016). *Operational guidance for identifying "other effective area-based conservation measures" in Canada's marine environment*. Canada Department of Fisheries and Oceans: Ottawa, Canada. 9pp. Accessed January 17, 2017 at: http://www.dfo-mpo.gc.ca/oceans/documents/publications/oeabcm-amcepz/2016_11_24_OEABCM-marine-guidancefor-public-audience_Version-1b.pdf
- Convention on Biological Diversity (CBD) (1992). *Convention on Biological Diversity*. <https://www.cbd.int/convention/text/>
- CBD (2010). *Strategic Plan on Biodiversity 2011–2020*. <https://www.cbd.int/sp/>
- CBD (2012). *Decision on Protected Areas (Xl/24)*. <https://www.cbd.int/doc/decisions/cop-11/cop-11-dec-24-en.pdf>
- CBD (2016). *Progress Towards the Achievement of Aichi Biodiversity Targets 11 and 12 (Decision XIII/2)*. <https://www.cbd.int/doc/decisions/cop-13/cop-13-dec-02-en.pdf>
- CBD (2016). *Ecosystem restoration: short-term action plan*. CBD/COP/DEC/XIII/5, 10 December 2016. <https://www.cbd.int/doc/decisions/cop-13/cop-13-dec-05-en.pdf>
- CBD (2018). *Protected areas and other effective area-based conservation measures (Decision 14/8)*. <https://www.cbd.int/doc/decisions/cop-14/cop-14-dec-08-en.pdf>
- CBD (2019). *Post-2020 Global Biodiversity Framework: Discussion Paper*. <https://www.cbd.int/doc/c/d431/b38f/3d580bb73e7c2b5aaa286310/post2020-prep-01-01-en.pdf>
- Day, J., Dudley, N., Hockings, M., Holmes, G., Laffoley, D., Stolton, S. and Wells, S. (2012). *Guidelines for applying the IUCN Protected Area Management Categories to Marine Protected Areas*. IUCN: Gland, Switzerland.
- Donald, P., Buchanan, G.M., Balmford, A., et al. (2019). 'The prevalence, characteristics and effectiveness of Aichi Target 11's "other effective area-based conservation measures" (OECMs) in Key Biodiversity Areas'. *Conservation Letters*. 2019;e12659. <https://doi.org/10.1111/conl.12659>
- Dudley, N. (Ed) (2008). *Guidelines for Applying Protected Area Management Categories*. IUCN: Gland, Switzerland. 86pp. <https://doi.org/10.2305/IUCN.CH.2008.PAPS.2.en>
- Dunstan, P. K., Bax, N.J., Dambacher, J.M., Hayes, K.R., Hedge, P.T., Smith, D.C., and Smith, A.D.M. (2016). 'Using ecologically or biologically significant marine areas (EBSAs) to implement marine spatial planning'. *Ocean & Coastal Management*, 121, 116-127.
- Eghenter C. (2018). 'Indigenous effective area-based conservation measures: conservation practices among the Dayak Kenyah of North Kalimantan'. *PARKS* 24. IUCN: Gland.
- Gray, M. (2004). *Geodiversity: Valuing and Conserving Abiotic Nature*. John Wiley and Sons: UK.
- Gray, P.A., Cheriton, D., Gaetz, N., Lehman, P., Sherwood, J., Beechey, T. J. and Lemieux C.J. (2018). 'Comparing screening tools for assessment of potential 'other effective area-based conservation measures' in Ontario, Canada'. *PARKS* 24. IUCN: Gland.
- Gross, J.E., Woodley, S., Welling, L.A., and Watson, J. (eds.) (2016). *Adapting to Climate Change: Guidance for protected area managers and planners*. Best Practice Protected Area Guidelines Series No. 24. IUCN: Gland, Switzerland. <https://portals.iucn.org/library/node/46685>
- Haase, P., Tonkin, J.D., Stoll, S., Burkhard, B., Frenzel, M., Geijzendorffer, I.L., Häuser, C. et al. (2018). 'The next generation of site-based long-term ecological monitoring: Linking essential biodiversity variables and ecosystem integrity'. *Science of the Total Environment* 613: 1376-1384.
- Indigenous Circle of Experts, (2018). *We Rise Together: Achieving Pathway to Canada Target 1 through the creation of Indigenous Protected and Conserved Areas in the spirit and practice of reconciliation*. Indigenous Circle of Experts, Pathway to Canada Target 1.
- Hockings, M., Leverington, F. and Cook, C. (2015). 'Protected area management effectiveness', in Worboys, G. L., Lockwood, M., Kothari A., Feary S. and Pulsford I. (eds) *Protected Area Governance and Management*. ANU Press, Canberra.
- IUCN (2016). *A Global Standard for the Identification of Key Biodiversity Areas*. First edition. IUCN: Gland, Switzerland.
- IUCN (2017). *Green List of Protected and Conserved Areas Standard*. <https://www.iucn.org/theme/protected-areas/ourwork/iucn-green-list>
- IUCN/WCPA (2018). Special Issue on "Other Effective Areabased Conservation Measures". *PARKS* 24. IUCN: Gland. <https://doi.org/10.2305/IUCN.CH.2018.PARKS-24-SI.en>
- Jonas, H., Barbuto, V., Jonas, H.C., Kothari, A. and Nelson, F. (2014). 'New steps of change: looking beyond protected areas to consider other effective area based conservation measures'. *PARKS* 20 (2): 111–128.
- Jonas, H. and MacKinnon, K. (Eds) (2016). *Co-Chairs' Report of the First Meeting of International Experts of the Task Force on Other Effective Area-based Conservation Measures*. IUCN/WCPA: Gland, Switzerland. <https://www.iucn.org/theme/protected-areas/wcpa/what-we-do/oecms>
- Jonas, H. and MacKinnon, K. (Eds) (2016). *Advancing Guidance on Other Effective Area-based Conservation Measures: Report of the Second Meeting of the IUCN-WCPA Task Force on Other Effective Area-based Conservation Measures*. IUCN : Gland, Switzerland <https://www.iucn.org/theme/protected-areas/wcpa/what-we-do/oecms>

- Jonas, H. and MacKinnon, K. (Eds) (2017). *Using Case Studies to Enhance Guidance on Other Effective Area-based Conservation Measures: Report of Third Meeting of the IUCN-WCPA Task Force on Other Effective Area-based Conservation Measures*. IUCN-WCPA: Gland, Switzerland. <https://www.iucn.org/theme/protected-areas/wcpa/what-we-do/oecms>
- Jonas, H. and Sandwith, T. (Eds) (2019). *Towards Recognising, Reporting and Supporting OECMs: Report of the Fourth Expert Meeting of the IUCN-WCPA Task Force on Other Effective Area-based Conservation Measures*. IUCN: Gland, Switzerland <https://www.iucn.org/theme/protectedareas/wcpa/what-we-do/oecms>
- Jonas, H., MacKinnon, K., Dudley, N., Hockings, M., Jessen, S., Laffoley, D., MacKinnon, D., Matallana-Tobón, C., Sandwith, T., Waithaka J. and Woodley, S. (2018). 'Other effective area-based conservation measures: From Aichi Target 11 to the post-2020 Biodiversity Framework'. *PARKS* 24. IUCN: Gland.
- Jupiter, S., Cohen, P., Weeks, R., Tawake, A. and Govan, H. (2014). 'Locally-managed marine areas: Multiple objectives and diverse strategies'. *Pacific Conservation Biology* 20. 10.1071/PC140165.
- Laffoley, D., Dudley, N., Jonas, H., MacKinnon, D., MacKinnon, K., Hockings, M. and Woodley, S. (2017). 'An introduction to "other effective area-based conservation measures" under Aichi Target 11 of the Convention on Biological Diversity: origin, interpretation and some emerging ocean issues'. *Journal of Aquatic Conservation* 27 (Supplement 1): 130–137.
- Leverington, F., Lemos Costa, K., Courrau, J., Pavese, H., Nolte, C., Marr, M., Coad, L., Burgess, N., Bomhard, B. and Hockings, M. (2010). *Management effectiveness evaluation in protected areas - a global study*, Second edition. The University of Queensland Brisbane, Australia.
- Lopoukhine, N. and Dias, B.F. (2012). 'Editorial: What does Target 11 really mean?' *PARKS* 18 (1): 5–8.
- MacKinnon, D., C.J. Lemieux, K. Beazley, S. Woodley, R. Helie, J. Perron, J. Elliott, C. Haas, J. Langlois, H. Lazaruk, T. Beechey, and P. Gray (2015). 'Canada and Aichi Biodiversity Target 11: understanding "other effective areabased conservation measures" in the context of the broader target'. *Biodiversity and Conservation* 24 (14): 3559–3581. DOI 10.1007/s10531-015-1018-1.
- Matallana-Tobón, C., Santamaría, M., Areiza Tapias, A., Solano C. and Galán S. (2018). 'Rethinking nature conservation in Colombia: a case study of other effective area-based conservation measures'. *PARKS* 24. IUCN: Gland. <https://doi.org/10.2305/IUCN.CH.2018.PARKS-24-SICLIM.en>
- Mathur, V. B., Onial, M. and Mauvais, G. (2015) "Managing threats", in G. L. Worboys, M. Lockwood, A. Kothari, S. Feary and I. Pulsford (eds). *Protected Area Governance and Management*, pp. 473–494, ANU Press, Canberra.
- Mitchell, B., Fitzsimons, J., Stevens, C. and Wright, D. (2018). 'PPA or OECM? Differentiating between privately protected areas and other effective area-based conservation measures on private land'. *PARKS* 24. IUCN: Gland. <https://doi.org/10.2305/IUCN.CH.2018.PARKS-24-SIBAM.en>
- Mwamidi, D.M., Renom, J.G. Fernández-Llamazares, Á., Burgas, D., Domínguez, P. and Cabeza, M. (2018). 'Contemporary pastoral commons in East Africa as OECMs: a case study from the Daasanach community'. *PARKS* 24. IUCN: Gland.
- UNEP-WCMC and IUCN (2016). *Protected Planet Report 2016*. UNEP-WCMC and IUCN: Cambridge UK and Gland, Switzerland.
- UNEP-WCMC, 2017. *World Database on Protected Areas User Manual 1.5*. UNEP-WCMC: Cambridge, UK. Available at: http://wcmc.io/Wdpa_Manual
- UNEP-WCMC and IUCN (2018). *Protected Planet Report 2018*. UNEP-WCMC and IUCN: Cambridge UK and Gland, Switzerland. <https://portals.iucn.org/library/node/48344>
- UNEP-WCMC (2018). *2018 United Nations List of Protected Areas. Supplement on protected area management effectiveness*. UNEP-WCMC: Cambridge, UK.
- United Nations (2007). *United Nations Declaration on the Rights of Indigenous Peoples*. Available at: https://www.un.org/development/desa/indigenouspeoples/wp-content/uploads/sites/19/2018/11/UNDRIP_E_web.pdf
- Utomo, A.B. and Walsh T.A. (2018). 'Hutan Harapan ecosystem restoration concession, Sumatra, Indonesia: a potential OECM?' *PARKS* 24. IUCN: Gland. <https://doi.org/10.2305/IUCN.CH.2018.PARKS-24-SIABU.en>
- Waithaka, J. and Warigia Njoroge, G. (2018). 'The role of potential OECMs in safeguarding space for nature in Kenya: A case study of wildlife conservancies'. *PARKS* 24. IUCN: Gland.
- Watson, James EM, Nigel Dudley, Daniel B. Segan, and Marc Hockings. 'The performance and potential of protected areas'. *Nature* 515, no. 7525 (2014): 67.
- Woodley, S., Bertzky B., Crawhall, N., Dudley, N., Miranda Londoño, J., MacKinnon, K., Redford, K.R. and Sandwith, T. (2012). 'Meeting Aichi Target 11: What does success look like for protected area systems?' *PARKS* 18 (1): 23–36.
- Woodley, S., MacKinnon, K., McCanny, S., Pither, R., Prior, K. Salafsky, N. and Lindenmayer, D. (2015). 'Managing protected areas for biological diversity and ecosystem functions', in Worboys, G.L., Lockwood, M., Kothari, A., Feary, S. and Pulsford, I. (eds.) *Protected Area Governance and Management*, pp. 651–684, ANU Press, Canberra. <http://press.anu.edu.au/wpcontent/uploads/2015/02/CHAPTER21.pdf>
- Zarnetske, P.L., Read, Q.R., Record, S., Gaddis, K.D., Pau, S., Hobi, M.L., Malone, S.L., Costanza, J., Dahlin K.M., Latimer A.M., Wilson, A.M., Grady, J.M., Ollinger, S.V. and Finley A.O. (2019). 'Towards connecting biodiversity and geodiversity across scales with satellite remote sensing'. *Ecological Soundings*. <https://doi.org/10.1111/geb.12887>

Phụ lục I

Mối quan hệ phổ quát giữa các Mục tiêu Aichi và Mục tiêu 11

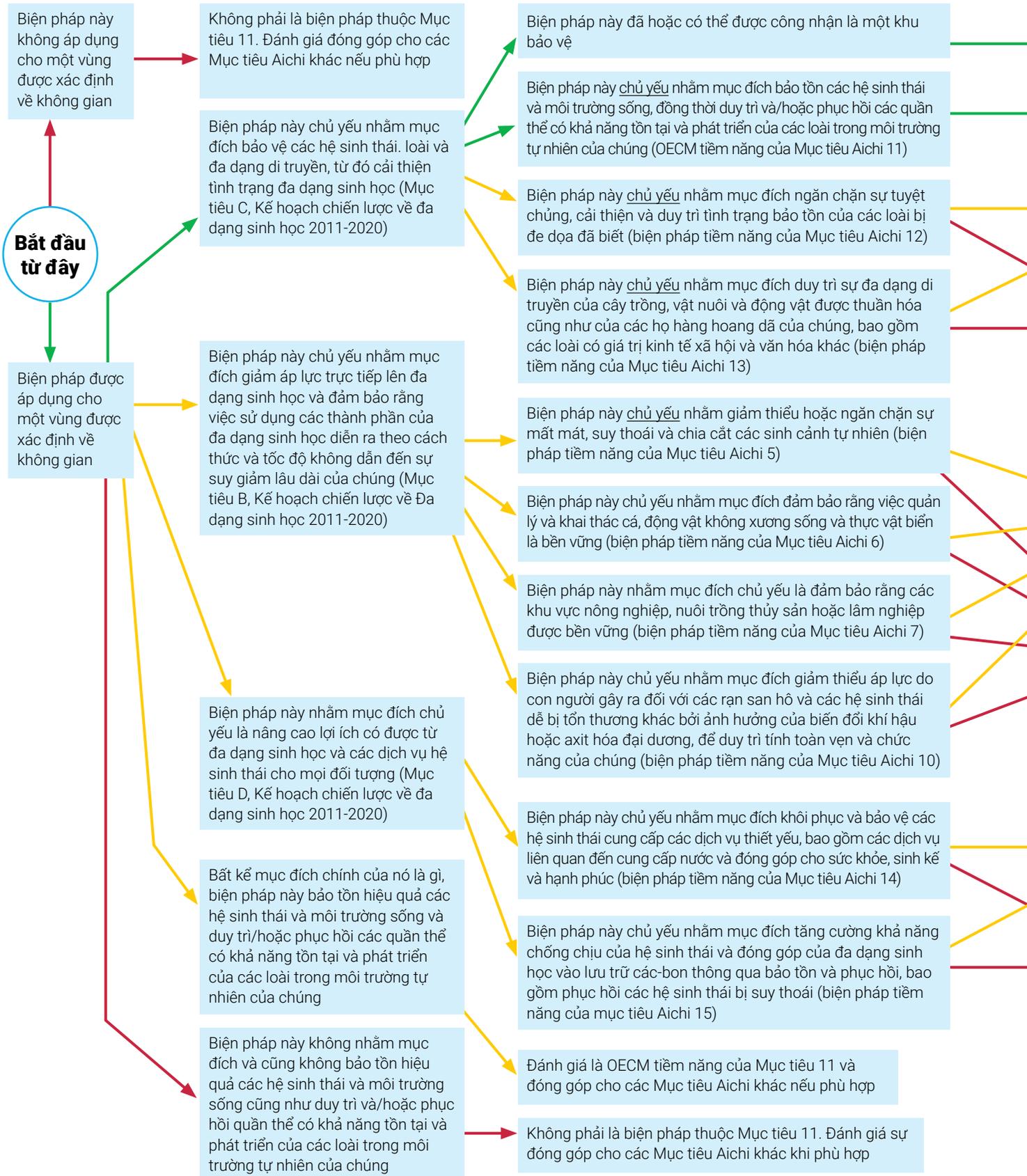
(Phỏng theo Laffoley và cộng sự, 2017)

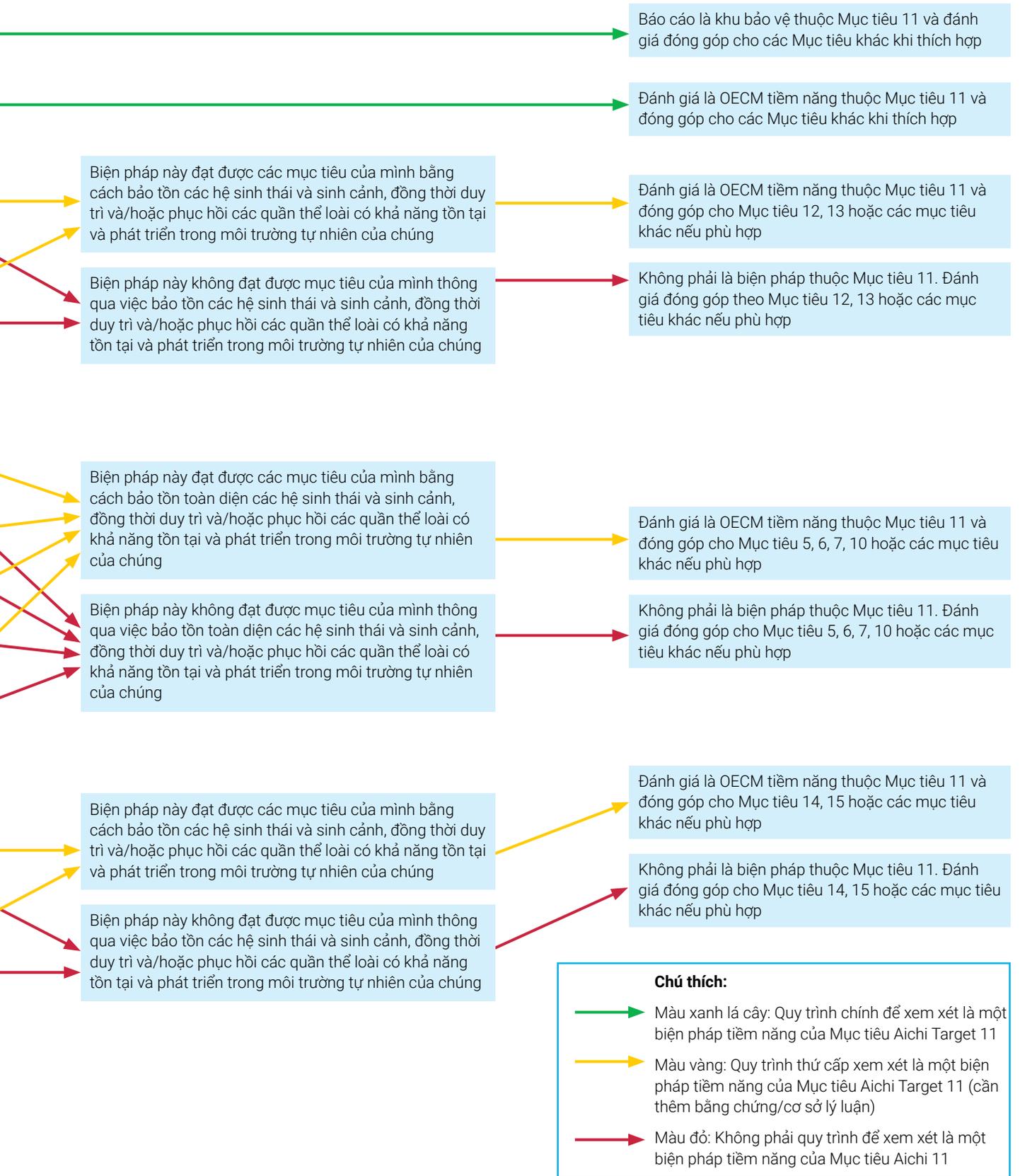
Mục tiêu	Nội dung	Sự liên quan với Mục tiêu 11
T3	Chậm nhất là đến năm 2020, các hình thức khuyến khích, kể cả hình thức trợ cấp, gây hại cho đa dạng sinh học sẽ bị loại bỏ, loại bỏ dần hoặc cải cách nhằm giảm thiểu hoặc tránh các tác động tiêu cực, và xây dựng các biện pháp khuyến khích có tác động tích cực đến bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học, áp dụng, nhất quán và phù hợp với Công ước và các nghĩa vụ quốc tế liên quan khác, có tính đến các điều kiện kinh tế xã hội của quốc gia.	Các biện pháp khuyến khích tích cực cho bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học dẫn đến kết quả bảo tồn khu vực <i>nguyên vị</i> các giá trị thiên nhiên, chẳng hạn như ưu đãi thuế cho chủ sở hữu các khu bảo tồn tư nhân, là những ví dụ về các biện pháp Mục tiêu 3 cũng góp phần đạt được Mục tiêu 11.
T4	Chậm nhất đến năm 2020, Chính phủ, doanh nghiệp và các bên liên quan ở tất cả các cấp tiến hành các bước để đạt hoặc thực hiện các kế hoạch về sản xuất và tiêu dùng bền vững và duy trì các tác động khi sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong giới hạn an toàn sinh thái.	Các kế hoạch sản xuất bền vững (các biện pháp T4) có thể bao gồm các khu vực giới hạn cấm khai thác, khu vực “bảo hiểm” hoặc khu vực “gìn giữ nguồn giống”, để đảm bảo việc sử dụng bền vững của một khu vực rộng lớn hơn. Nếu những khu vực dành riêng như vậy có hiệu quả đối với việc bảo tồn <i>nguyên vị</i> đa dạng sinh học lâu dài, chúng có thể đóng góp cho Mục tiêu 11.
T5	Đến năm 2020, tỷ lệ mất đi các loại sinh cảnh, bao gồm cả rừng, giảm ít nhất một nửa và đưa về gần bằng không ở những nơi khả thi, đồng thời sự suy thoái và chia cắt sinh cảnh được giảm đáng kể.	Việc thiết lập các khu vực bảo tồn thuộc Mục tiêu 11 là một phương thức quan trọng để đạt được Mục tiêu 5. Thiết lập các khu vực hiệu quả cho việc bảo tồn <i>nguyên vị</i> trong dài hạn các giá trị thiên nhiên, cho dù là khu bảo vệ hay OECMs, có thể ngăn ngừa mất sinh cảnh tự nhiên, suy thoái và phân mảnh hệ sinh thái, nhất là khi các khu vực đó được quản lý tốt. Trong bối cảnh trên cạn, điều này có thể liên quan đến các khu rừng nguyên sinh và trong bối cảnh biển, điều này có thể đặc biệt đúng đối với trường hợp các sinh cảnh như rạn san hô, thảm cỏ biển và các bãi ngầm.
T6	Đến năm 2020, tất cả các loài cá, động vật không xương sống và thực vật thủy sinh được quản lý và khai thác bền vững, hợp pháp và áp dụng các phương pháp tiếp cận dựa trên hệ sinh thái, để tránh đánh bắt quá mức, các kế hoạch và biện pháp phục hồi được áp dụng cho tất cả các loài bị cạn kiệt, nghề cá không gây tác động bất lợi đáng kể đối với các loài bị đe dọa và các hệ sinh thái dễ bị tổn thương và tác động của nghề cá đối với trữ lượng, loài và hệ sinh thái nằm trong giới hạn sinh thái an toàn.	Các khu vực bảo tồn thuộc Mục tiêu 11 có thể góp phần đảm bảo rằng việc khai thác các yếu tố đa dạng sinh học trong cảnh quan biển mở rộng một cách bền vững thông qua việc: cung cấp các tiêu chuẩn để đánh giá tác động của các quyết định quản lý; các chức năng “bảo hiểm” và “gìn giữ nguồn giống” để cho phép phục hồi sau những thất bại về quản lý; và/hoặc cung cấp các lợi ích “lan tỏa” trong cảnh quan biển rộng lớn hơn. Các biện pháp bảo tồn loài hoặc sinh cảnh áp dụng rộng rãi trong các cảnh quan biển mở rộng thay vì cho các khu vực địa lý riêng biệt và được xác định rõ ràng và không mang tính dài hạn, nên được đưa vào Mục tiêu 6. Sử dụng bền vững tài nguyên sinh học có thể là mục tiêu của một số khu vực thuộc Mục tiêu 11. Sự khác biệt chính giữa các biện pháp theo khu vực thuộc Mục tiêu 11 và Mục tiêu 6 là các khu vực Mục tiêu 11 đạt được sự bảo tồn <i>nguyên vị</i> các giá trị thiên nhiên như một thực thể thống nhất và kết quả này không thể bị thỏa hiệp với các hoạt động sử dụng được phép.
T7	Đến năm 2020 các vùng canh tác nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và lâm nghiệp được quản lý bền vững, đảm bảo bảo tồn đa dạng sinh học.	Các khu vực thuộc Mục tiêu 11 được đặt trong những cảnh quan được quản lý chủ yếu cho canh tác nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản hoặc lâm nghiệp có thể giúp đảm bảo rằng các hoạt động đó không gây ra tổn thất không thể đảo ngược về đa dạng sinh học đối với các cảnh quan mở rộng bằng cách cung cấp các tiêu chuẩn để đánh giá tác động của các quyết định quản lý. Chúng cũng có thể cung cấp các chức năng “bảo hiểm” và “gìn giữ nguồn giống” để cho phép phục hồi sau những thất bại trong quản lý, lợi ích “lan tỏa” và đóng góp cho sự liên tục của cảnh quan mở rộng.

Mục tiêu	Nội dung	Sự liên quan với Mục tiêu 11
T9	Đến năm 2020, các loài ngoại lai xâm hại và các con đường du nhập được xác định và đặt ưu tiên xử lý, các loài ưu tiên được kiểm soát hoặc diệt trừ, và các biện pháp quản lý các con đường du nhập được thực hiện nhằm ngăn chặn sự du nhập và phát triển của chúng.	Các khu vực thuộc Mục tiêu 11 đưa ra các mục tiêu quản lý nhằm duy trì hoặc phục hồi tính toàn vẹn sinh thái có thể là trọng tâm của các biện pháp Mục tiêu 9 để diệt trừ các loài ngoại lai.
T10	Đến năm 2015, những áp lực tổng hợp do con người gây ra đối với các rạn san hô và các hệ sinh thái dễ bị tổn thương khác chịu tác động của biến đổi khí hậu hoặc axit hóa đại dương được giảm thiểu để duy trì tính toàn vẹn và chức năng của chúng.	Các biện pháp Mục tiêu 11 có thể có giá trị trong việc bảo vệ các rạn san hô và các hệ sinh thái dễ bị tổn thương khác khỏi các áp lực do con người gây ra như suy thoái sinh cảnh và khai thác quá mức các loài. Tuy nhiên, bản thân các biện pháp của Mục tiêu 11 không thể giải quyết đầy đủ các mối đe dọa từ biến đổi khí hậu và axit hóa đại dương, vốn đòi hỏi phải giảm khí nhà kính toàn cầu.
T12	Đến năm 2020, sự tuyệt chủng của các loài bị đe dọa đã biết được ngăn chặn và tình trạng bảo tồn của chúng, đặc biệt là những loài đang bị suy giảm nghiêm trọng, được cải thiện và duy trì.	Các biện pháp Mục tiêu 11 là công cụ chính để ngăn chặn sự tuyệt chủng và hỗ trợ phục hồi các loài bị đe dọa, thông qua bảo tồn <i>nguyên vị</i> lâu dài các loài và hệ sinh thái liên quan của chúng. Các biện pháp Mục tiêu 12 tập trung vào các loài đơn lẻ và không theo khu vực, không mang tính dài hạn hoặc không đạt được thông qua bảo tồn <i>nguyên vị</i> tổng thể đa dạng sinh học, cũng không phải là các biện pháp Mục tiêu 11. Các biện pháp của Mục tiêu 11 có thể ngăn chặn sự tuyệt chủng và hỗ trợ phục hồi các loài bị đe dọa, do đó góp phần vào Mục tiêu 12.
T14	Đến năm 2020, các hệ sinh thái cung cấp các dịch vụ thiết yếu, bao gồm các dịch vụ liên quan đến cung cấp nước và đóng góp cho sức khỏe, sinh kế và hạnh phúc, được khôi phục và bảo vệ, có tính đến nhu cầu của phụ nữ, cộng đồng bản địa và địa phương, người nghèo và người dễ bị tổn thương.	Các biện pháp của Mục tiêu 11 có thể là một phương tiện giúp đạt được Mục tiêu 14 bằng cách bảo vệ các hệ sinh thái giữ vai trò cung cấp nhiều loại dịch vụ. Một số biện pháp nhằm đạt được Mục tiêu 14 cũng có thể được công nhận là đóng góp cho Mục tiêu 11 nếu chúng đạt được thông qua bảo tồn <i>nguyên vị</i> đa dạng sinh học lâu dài, bất kể mục tiêu chính của chúng là gì. Ví dụ, trong bối cảnh biển, đây có thể là việc duy trì các rạn san hô hoặc rừng ngập mặn như một phần của việc bảo vệ bờ biển chống lại bão và nước biển dâng. Và một ví dụ trên cạn có thể là gì?
T15	Đến năm 2020, tính chống chịu của hệ sinh thái và đóng góp của đa dạng sinh học vào lưu trữ các-bon được tăng cường, thông qua bảo tồn và phục hồi, bao gồm việc phục hồi ít nhất 15% các hệ sinh thái bị suy thoái, qua đó góp phần giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu và chống sa mạc hóa.	Các khu vực của mục tiêu 11, do mức độ toàn vẹn sinh thái nhìn chung cao hơn so với những cảnh quan trên đất liền và trên biển bị khai thác, thường có khả năng chống chịu tốt hơn, đa dạng hơn và lưu trữ được nhiều các-bon hơn. Bảo vệ các khu vực nguyên vẹn, bảo vệ và phục hồi các khu vực bị suy thoái, là hai cách mà các biện pháp Mục tiêu 11 có thể đóng góp cho Mục tiêu 15. Các biện pháp Mục tiêu 15 đạt được mục tiêu của chúng thông qua bảo tồn <i>nguyên vị</i> đa dạng sinh học lâu dài có thể được công nhận là các khu vực Mục tiêu 11.
T18	Đến năm 2020, những kiến thức, sáng tạo, tập quán truyền thống của cộng đồng bản địa và địa phương phù hợp với bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học và việc sử dụng các nguồn tài nguyên sinh học theo tập quán của họ, được tôn trọng, tuân thủ theo luật pháp quốc gia và các nghĩa vụ quốc tế có liên quan, và được lồng ghép và phản ánh đầy đủ trong việc thực hiện Công ước với sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của các cộng đồng bản địa và địa phương, ở tất cả các cấp có liên quan.	Các biện pháp của Mục tiêu 11 có thể đóng góp cho Mục tiêu 18 bằng đảm bảo các khu vực mà ở đó những kiến thức, sáng tạo và tập quán truyền thống của cộng đồng bản địa và địa phương được hình thành, và nơi diễn ra hoạt động sử dụng tài nguyên sinh học theo phong tục của họ, vẫn còn nguyên vẹn về mặt sinh thái và có thể duy trì các hoạt động đó trong thời gian dài. Ngược lại, một số khu vực của người dân bản địa được quản lý theo phương thức truyền thống có thể đóng góp cho Mục tiêu 11, ví dụ như một số địa điểm tự nhiên linh thiêng không thuộc mạng lưới khu bảo vệ chính thức.

Phụ lục II

Hỗ trợ ra quyết định: Mục tiêu Aichi 11 có phải là Mục tiêu Aichi thích hợp nhất để đánh giá một biện pháp bảo tồn không?





Phụ lục III

Cơ sở Dữ liệu Bảo vệ Hành tinh về Khu Bảo vệ và OECM

Tất cả dữ liệu về các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác (OECM/khu vực được bảo tồn) phải được đệ trình cho Trung tâm Giám sát Bảo tồn Môi trường Thế giới của Liên hợp quốc (UNEP WCMC) để đưa vào Cơ sở dữ liệu Toàn cầu về các Khu Bảo vệ (WDPA).

Hướng dẫn bổ sung có tại đây:
www.wcmc.io/conserveedareas_guidance

Cơ sở dữ liệu toàn cầu về các Khu Bảo vệ là gì?

WDPA là cơ sở dữ liệu toàn cầu toàn diện nhất về các khu bảo tồn biển và đất liền, bao gồm cả dữ liệu không gian (ví dụ: ranh giới và điểm) đi kèm với dữ liệu thuộc tính liên quan (ví dụ: thông tin dạng bảng biểu), được thu thập theo phương pháp được chuẩn hóa. Thông tin nguồn cũng được lưu giữ cho tất cả các bộ dữ liệu được đệ trình. WDPA được cập nhật hàng tháng và được cung cấp và có thể tải xuống trực tuyến thông qua Cơ sở dữ liệu Bảo vệ Hành tinh, ngoại trừ dữ liệu có các hạn chế chia sẻ do các nhà cung cấp dữ liệu đặt ra. Hướng dẫn sử dụng WDPA (UNEP-WCMC, 2017) cung cấp thông tin chi tiết và hướng dẫn về dữ liệu được lưu trữ trong WDPA, bao gồm các tiêu chuẩn đối chiếu và tiêu chuẩn dữ liệu.

Cơ sở dữ liệu OECM mới tuân theo cấu trúc giống như WDPA, với những sửa đổi nhỏ. Cơ sở dữ liệu WDPA và OECM là nguồn dữ liệu chính thức được sử dụng cho nhiều cơ chế báo cáo toàn cầu, các chỉ số báo cáo và theo dõi tiến độ đạt được các mục tiêu của các khu bảo vệ và các khu vực bảo tồn, bao gồm các Mục tiêu đa dạng sinh học Aichi của Kế hoạch chiến lược CBD và các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên hợp quốc (SDGs).

Báo cáo, thu thập và chuẩn hóa dữ liệu về các khu bảo vệ và OECMs

Thông thường, dữ liệu được đệ trình cho cơ sở dữ liệu WDPA hoặc OECM bởi cơ quan quản trị khu bảo vệ và khu vực bảo tồn và dữ liệu này được ưu tiên hơn so với dữ liệu của cùng một khu vực được đệ trình từ các nguồn khác. Khi cơ quan quản trị không có khả năng cung cấp dữ liệu cập nhật do thiếu năng lực, thiếu dữ liệu hoặc các nguyên nhân khác, họ có thể đề xuất việc liên hệ với một bên cung cấp khác để cập nhật dữ liệu. Tất cả các khu vực phải đáp ứng được định

nghĩa của IUCN/CBD về khu bảo vệ hoặc "Khu vực có các Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác".

Chỉ một phiên bản của bất kỳ khu bảo vệ hoặc khu vực bảo tồn nào được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu Bảo vệ Hành tinh. Nếu có các khu vực chồng lấn, đó thường là do việc phân định khác nhau của cùng một không gian địa lý.

Tất cả dữ liệu trong cơ sở dữ liệu WDPA hoặc OECM phải đáp ứng một bộ tiêu chuẩn dữ liệu. Các tiêu chuẩn rất quan trọng để đảm bảo tất cả thông tin được cung cấp ở một định dạng chung có thể tương tác được và có tác dụng cho nhiều mục đích báo cáo và phân tích. Có bốn yêu cầu chính cần được đáp ứng để tuân thủ các tiêu chuẩn dữ liệu của cơ sở dữ liệu Bảo vệ Hành tinh:

1. Tất cả các khu vực phải đáp ứng được định nghĩa của IUCN/CBD về một khu bảo vệ hoặc "Khu vực có các Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác".
2. Phải cung cấp được dữ liệu không gian từ Hệ thống Thông tin Địa lý (GIS) và danh sách các thuộc tính liên quan đã được chuẩn hóa.
3. Nguồn thông tin phải được cung cấp để đảm bảo rằng quyền sở hữu dữ liệu được lưu giữ và có thể truy xuất nguồn gốc.
4. Biên bản Thỏa thuận Đóng góp Dữ liệu phải được ký kết để đảm bảo rằng có một văn bản của bên cung cấp dữ liệu đồng ý với việc dữ liệu được đưa vào cơ sở dữ liệu WDPA hoặc OECM và các điều khoản theo đó dữ liệu được cung cấp.

Sử dụng cơ sở dữ liệu Bảo vệ Hành tinh để đánh giá tiến triển của Mục tiêu

UNEP-WCMC sử dụng dữ liệu trong cơ sở dữ liệu Bảo vệ Hành tinh để đánh giá tiến triển của việc đạt được các mục tiêu bảo tồn toàn cầu, chẳng hạn như Mục tiêu Aichi 11 về Đa dạng sinh học. Để báo cáo về Mục tiêu 11, ba số liệu thống kê sẽ được trích xuất ra, cho cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu:

- Độ phủ của các khu bảo vệ;
- Phạm vi áp dụng các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác; và
- Độ phủ của cả 2 loại hình khu bảo vệ và OECMs.

Để tính toán độ che phủ, UNEP-WCMC loại bỏ các vùng chồng lấn giữa các khu vực và loại ra một số loại hình khu vực bảo tồn (những khu vực được đề xuất, các địa điểm không có khu vực bảo tồn được báo cáo và Khu dự trữ Con người và Sinh quyển của UNESCO). Mặc dù các khu bảo vệ và các khu vực bảo tồn thường không nằm trên cùng một khu vực (xem Phần 3.2 b), đôi khi có thể có các trường hợp chồng lấn. Trong những trường hợp như vậy, khu vực chồng lấn chỉ được coi là khu bảo vệ. Phương pháp này tránh cho việc việc tính hai lần.

Thông tin thêm về phương pháp tính toán số liệu thống kê của UNEP-WCMC về độ phủ có tại <https://protectedplanet.net/c/calculation-protected-area-coverage>

Giám sát các Khu vực có Biện pháp Bảo tồn Hiệu quả khác

Hiệu quả Quản lý các Khu bảo vệ (PAME) trong nhiều trường hợp sẽ là phương pháp thực tiễn nhất để đánh giá hiệu quả của các khu bảo vệ, đặc biệt là khi các công cụ PAME được hỗ trợ bởi thông tin bổ sung về kết quả đa dạng sinh học. Hơn 40 công cụ đã được phát triển để đánh giá PAME (xem UNEP-WCMC 2018). Việc áp dụng các hệ thống PAME có nghĩa là cơ quan có thẩm quyền sẽ thuận lợi hơn trong việc báo cáo về giám sát hiệu quả cho UNEP WCMC và các đánh giá sẽ ở định dạng chuẩn giữa các địa điểm và theo thời gian.

Một số nguyên tắc cơ bản để giám sát các khu bảo vệ nhằm theo dõi hiệu quả bảo tồn được mô tả trong các bước từ 1 - 4 dưới đây. Các bước 1 - 3 cũng có thể được sử dụng để hỗ trợ quyết định liệu một địa điểm có phải là khu vực được bảo tồn hay không hay vẫn là khu vực có các hoạt động bảo tồn hiệu quả khi đánh giá lặp lại.

5. Mô tả tất cả các giá trị đa dạng sinh học quan trọng của khu vực, cùng với hồ sơ về các nguồn thông tin. Xem xét tính đại diện, tính nguyên vẹn, bối cảnh của cảnh quan, các loài quý hiếm, bị đe dọa, đặc hữu và quan trọng cũng như tính toàn vẹn của sinh cảnh và hệ sinh thái.
6. Xác định áp lực và mối đe dọa đối với khu vực sẽ ảnh hưởng đến các giá trị đa dạng sinh học.
7. Xem xét các hoạt động và biện pháp quản lý được thực hiện tại khu vực để đánh giá hiệu quả của chúng, liệu chúng có đủ để duy trì các đặc điểm đa dạng sinh học và liệu chúng có thể có hiệu quả bao trùm toàn bộ phạm vi đa dạng sinh học của khu vực cũng như trong việc giải quyết các mối đe dọa có thể kiểm soát được đối với bảo tồn *nguyên vị* đa dạng sinh học.
8. Xem xét tính hiệu quả về kết quả bảo tồn của khu vực, thông qua việc đánh giá hiện trạng của các thuộc tính ưu tiên, thiết lập và xem xét các mục tiêu và chỉ số đánh giá hiện trạng và xu hướng theo thời gian, đánh giá việc giảm nhẹ các mối đe dọa, giám sát và quản lý thích ứng.

Báo cáo cho Cơ sở dữ liệu toàn cầu về Hiệu quả Quản lý các Khu Bảo vệ (GD-PAME) do UNEP WCMC quản lý bằng cách tiếp cận tương tự như đã nêu ở trên đối với cơ sở dữ liệu WDPA và OECM. Mọi thắc mắc liên quan đến báo cáo, đối chiếu, sử dụng hoặc xử lý GD - PAME, vui lòng liên hệ: protectedareas@unep-wcmc.org.



**LIÊN MINH BẢO TỒN
THIÊN NHIÊN QUỐC TẾ**

TRỤ SỞ CHÍNH
Rue Mauverney 28
1196, Gland, Thụy Sĩ
Điện thoại: +41 22 9990000
Fax: +41 22 999 0002
www.iucn.org

